PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ban hành Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

1. DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tiếp theo Công báo số 433 + 434)

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: 0241.3825.496. Fax: 0241.3826.077			
1501	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	G-4554	001:2010/DBC.BN	
1502	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	G-4555	002:2010/DBC.BN	
1503	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 29 - 42 ngày tuổi	G-4556	003:2010/DBC.BN	
1504	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi - xuất bán	G-4559	004:2010/DBC.BN	
1505	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1 - 30 ngày tuổi	G-4550	005:2010/DBC.BN	
1506	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp 31 ngày tuổi - xuất bán	G-4551	006:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1507	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	G-4557	007:2010/DBC.BN	
1508	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi - xuất bán	G-4558	008:2010/DBC.BN	
1509	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	G-4552	009:2010/DBC.BN	
1510	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	G-4553	010:2010/DBC.BN	
1511	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng	G-5552	011:2010/DBC.BN	
1512	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thả đồng từ 1 - 28 ngày tuổi	G-5553	012:2010/DBC.BN	
1513	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thả đồng từ 28 ngày tuổi - xuất bán	G-5554	013:2010/DBC.BN	
1514	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 48 ngày tuổi đến xuất bán	G-5558	014:2010/DBC.BN	
1515	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1 - 35 ngày tuổi	G-3510	015:2010/DBC.BN	
1516	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ trứng	G-3520	016:2010/DBC.BN	
1517	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	G-4545	017:2010/DBC.BN	
1518	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt	G-3036	018:2010/DBC.BN	
1519	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Grow Feed số 1	019:2010/DBC.BN	
1520	Thức ăn hoàn chỉnh cho lợn cai sữa	G-8100	020:2010/DBC.BN	
1521	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn đến 15kg	G-8100A	021:2010/DBC.BN	
1522	Thức ăn hỗn hợp cho thịt lợn từ 16 - 30kg	G-8777	022:2010/DBC.BN	
1523	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất bán	G-8888	023:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1524	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31 - 60kg	G-9999	024:2010/DBC.BN	
1525	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15 - 30kg	G-8989	025:2010/DBC.BN	
1526	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg - xuất bán	G-9090	026:2010/DBC.BN	
1527	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn cái hậu bị và nái chửa	G-8686	028:2010/DBC.BN	
1528	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con	G-8787	029:2010/DBC.BN	
1529	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn đực giống khai thác tinh	G-8585	030:2010/DBC.BN	
1530	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	G-4500	031:2010/DBC.BN	
1531	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	G-4570	032:2010/DBC.BN	
1532	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	G-4590	033:2010/DBC.BN	
1533	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho vịt đẻ trứng	G-5550	034:2010/DBC.BN	
1534	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ cai sữa đến 25kg	G-8300	035:2010/DBC.BN	
1535	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 26 - 100kg	G-8400	036:2010/DBC.BN	
1536	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	G-8200	037:2010/DBC.BN	
1537	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn từ 5 - 100kg	G-8500	038:2010/DBC.BN	
1538	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn hướng nạc giai đoạn từ 7 - 100kg	G-8750	039:2010/DBC.BN	
1539	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt vỗ béo	G-8900	040:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1540	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn nái chửa và nái nuôi con	G-8000	041:2010/DBC.BN	
1541	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho bò tiết sữa	G-4546	042:2010/DBC.BN	
1542	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	G-5559	043:2010/DBC.BN	
1543	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	T-7100	051:2010/DBC.BN	
1544	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	T-7200	052:2010/DBC.BN	
1545	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 - 42 ngày tuổi	T-7300	053:2010/DBC.BN	
1546	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi - xuất bán	T-7400	054:2010/DBC.BN	
1547	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông mầu từ 1 - 42 ngày tuổi	T-701	055:2010/DBC.BN	
1548	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông mầu từ 42 ngày tuổi - xuất bán	T-702	056:2010/DBC.BN	
1549	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông mầu từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	T-7000	057:2010/DBC.BN	
1550	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi - xuất bán	T-703	058:2010/DBC.BN	
1551	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	T-5100	059:2010/DBC.BN	
1552	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	T-5000	060:2010/DBC.BN	
1553	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho vịt đẻ siêu trứng	T-502	061:2010/DBC.BN	
1554	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 1 - 28 ngày tuổi	T-3130	062:2010/DBC.BN	
1555	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 28 ngày tuổi - xuất bán	T-3230	063:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1556	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 48 ngày tuổi đến xuất bán	T-3330	064:2010/DBC.BN	
1557	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1 - 35 ngày tuổi	T-3300	065:2010/DBC.BN	
1558	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho cút đẻ trứng	T-404	066:2010/DBC.BN	
1559	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	T-3535	067:2010/DBC.BN	
1560	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	T-3430	068:2010/DBC.BN	
1561	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Topfeeds số 1	069:2010/DBC.BN	
1562	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho lợn con cai sữa	T-6020	070:2010/DBC.BN	
1563	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn đến 15kg	T-6020A	071:2010/DBC.BN	
1564	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 16 - 30kg	T-2120	072:2010/DBC.BN	
1565	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	T-2220	073:2010/DBC.BN	
1566	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31 - 60kg	T-2222	074:2010/DBC.BN	
1567	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15 - 30kg	T-2320	075:2010/DBC.BN	
1568	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg - xuất bán	T-2330	076:2010/DBC.BN	
1569	Thức ăn hỗn hợp dạng bột và viên cho lợn cái hậu bị	T-6030	078:2010/DBC.BN	
1570	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái chửa và nuôi con	T-6040	079:2010/DBC.BN	
1571	Thức ăn hỗn hợp cho lợn đực khai thác tinh	T-6445	080:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1572	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	T-2000	081:2010/DBC.BN	
1573	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	T-2180	082:2010/DBC.BN	
1574	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi - kết thúc	T-5185	083:2010/DBC.BN	
1575	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho vịt đẻ siêu trứng	T-503	084:2010/DBC.BN	
1576	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn tập ăn đến 30kg	T-6100	085:2010/DBC.BN	
1577	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	T-6200	086:2010/DBC.BN	
1578	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	T-6300	087:2010/DBC.BN	
1579	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 5 - 100kg	T-6400	088:2010/DBC.BN	
1580	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ 5kg đến xuất bán	T-007	089:2010/DBC.BN	
1581	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ cai sữa đến xuất bán	T-009	090:2010/DBC.BN	
1582	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn siêu nạc từ 10 - 100kg	T-6220	091:2010/DBC.BN	
1583	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn nái chửa và nái nuôi con	T-6000	092:2010/DBC.BN	
1584	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho bò tiết sữa	T-305	093:2010/DBC.BN	
1585	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	NS-910	101:2010/DBC.BN	
1586	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	NS-920	102:2010/DBC.BN	
1587	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 - 42 ngày tuổi	NS-930	103:2010/DBC.BN	
1588	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi - xuất bán	NS-940	104:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1589	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1 - 30 ngày tuổi	NS-108	105:2010/DBC.BN	
1590	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 31 ngày tuổi - xuất bán	NS-109	106:2010/DBC.BN	
1591	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	NS-107	107:2010/DBC.BN	
1592	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi - xuất bán	NS-106	108:2010/DBC.BN	
1593	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	NS-820	109:2010/DBC.BN	
1594	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	NS-810	110:2010/DBC.BN	
1595	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng	NS-660	111:2010/DBC.BN	
1596	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 1 - 28 ngày tuổi	NS-610	112:2010/DBC.BN	
1597	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 28 ngày tuổi - xuất bán	NS-620	113:2010/DBC.BN	
1598	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 48 ngày tuổi - xuất bán	NS-630	114:2010/DBC.BN	
1599	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1 - 35 ngày tuổi	NS-330	115:2010/DBC.BN	
1600	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ trứng	NS-340	116:2010/DBC.BN	
1601	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	NS-550	117:2010/DBC.BN	
1602	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt	NS-360	118:2010/DBC.BN	
1603	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Nasaco số 1	119:2010/DBC.BN	
1604	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho lợn con theo mẹ	NS-27A	120:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1605	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn đến 15kg	NS-27S	121:2010/DBC.BN	
1606	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 16 - 30kg	NS-450	122:2010/DBC.BN	
1607	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	NS-451	123:2010/DBC.BN	
1608	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31 - 60kg	NS-457	124:2010/DBC.BN	
1609	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15 - 30kg	NS-455	125:2010/DBC.BN	
1610	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg - xuất bán	NS-456	126:2010/DBC.BN	
1611	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn cái hậu bị và nái chửa	NS-453	128:2010/DBC.BN	
1612	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con	NS-454	129:2010/DBC.BN	
1613	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn đực giống khai thác tinh	NS-452	130:2010/DBC.BN	
1614	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	NS-145	131:2010/DBC.BN	
1615	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	NS-185	132:2010/DBC.BN	
1616	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi - kết thúc	NS-195	133:2010/DBC.BN	
1617	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho vịt đẻ siêu trứng	NS-600	134:2010/DBC.BN	
1618	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn từ cai sữa đến 25kg	NS-205	135:2010/DBC.BN	
1619	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 26 - 100kg	NS-215	136:2010/DBC.BN	
1620	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	NS-115	137:2010/DBC.BN	
1621	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 5 - 100kg	S-900	138:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1622	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	NS-245	139:2010/DBC.BN	
1623	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 5 - 100kg	NS-225	140:2010/DBC.BN	
1624	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn siêu nạc từ 10kg đến xuất bán	NS-226	141:2010/DBC.BN	
1625	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn vỗ béo	NS-235	142:2010/DBC.BN	
1626	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái chửa và nái nuôi con	NS-234	143:2010/DBC.BN	
1627	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	NS-640	144:2010/DBC.BN	
1628	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	K-5400	151:2010/DBC.BN	
1629	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	K-5500	152:2010/DBC.BN	
1630	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 - 42 ngày tuổi	K-5600	153:2010/DBC.BN	
1631	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi - xuất bán	K-5650	154:2010/DBC.BN	
1632	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1 - 30 ngày tuổi	K-5700	155:2010/DBC.BN	
1633	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 31 ngày tuổi - xuất bán	K-5800	156:2010/DBC.BN	
1634	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	K-5900	157:2010/DBC.BN	
1635	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi - xuất bán	K-5950	158:2010/DBC.BN	
1636	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	K-5200	159:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1637	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 TT đến kết thúc	K-5300	160:2010/DBC.BN	
1638	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ trứng	K-2700	161:2010/DBC.BN	
1639	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 1 - 28 ngày tuổi	K-2800	162:2010/DBC.BN	
1640	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 28 ngày tuổi - xuất bán	K-2900	163:2010/DBC.BN	
1641	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 48 ngày tuổi - xuất bán	K-2950	164:2010/DBC.BN	
1642	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1 - 35 ngày tuổi	K-4100	165:2010/DBC.BN	
1643	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ trứng	K-4200	166:2010/DBC.BN	
1644	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	K-5454	167:2010/DBC.BN	
1645	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	K-2960	168:2010/DBC.BN	
1646	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Khangti Vina số 1	169:2010/DBC.BN	
1647	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con cai sữa	K-7500	170:2010/DBC.BN	
1648	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn - 15kg	K-7500S	171:2010/DBC.BN	
1649	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 16 - 30kg	K-7666	172:2010/DBC.BN	
1650	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	K-7777	173:2010/DBC.BN	
1651	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31 - 60kg	K-6666	174:2010/DBC.BN	
1652	Thức ăn hỗn hợp CC cho lợn ngoại siêu nạc từ 15 - 30kg	K-7878	175:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1653	Thức ăn hỗn hợp CC cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg - xuất bán	K-7979	176:2010/DBC.BN	
1654	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn cái hậu bị và nái chửa	K-7474	178:2010/DBC.BN	
1655	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con	K-7575	179:2010/DBC.BN	
1656	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn đực giống khai thác tinh	K-7373	180:2010/DBC.BN	
1657	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	K-5555	182:2010/DBC.BN	
1658	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	K-1700	183:2010/DBC.BN	
1659	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18TT - kết thúc	K-1800	184:2010/DBC.BN	
1660	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho vịt đẻ trứng	K-2600	185:2010/DBC.BN	
1661	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ cai sữa đến 25kg	K-7600	186:2010/DBC.BN	
1662	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 26 - 100kg	K-7700	187:2010/DBC.BN	
1663	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	K-7720	188:2010/DBC.BN	
1664	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 5 - 100kg	K-7800	189:2010/DBC.BN	
1665	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ cai sữa đến xuất bán	K-9000	190:2010/DBC.BN	
1666	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn vỗ béo	K-7900	191:2010/DBC.BN	
1667	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn nái chửa và nái nuôi con	K-7400	192:2010/DBC.BN	
1668	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho bò tiết sữa	K-3000	193:2010/DBC.BN	
1669	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	D-1	201:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1670	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	D-2	202:2010/DBC.BN	
1671	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 - 42 ngày tuổi	D-3	203:2010/DBC.BN	
1672	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi - xuất bán	D-4	204:2010/DBC.BN	
1673	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1 - 30 ngày tuổi	D-54	205:2010/DBC.BN	
1674	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp 31 ngày tuổi - xuất bán	D-55	206:2010/DBC.BN	
1675	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	D-56	207:2010/DBC.BN	
1676	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi - xuất bán	D-57	208:2010/DBC.BN	
1677	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	D-51	209:2010/DBC.BN	
1678	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	D-52	210:2010/DBC.BN	
1679	Thức ăn hỗn hợp dùng cho ngan, vịt đẻ trứng	D-21	211:2010/DBC.BN	
1680	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 1 - 28 ngày tuổi	D-22	212:2010/DBC.BN	
1681	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 28 ngày tuổi - xuất bán	D-23	213:2010/DBC.BN	
1682	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 48 ngày tuổi đến xuất bán	D-24	214:2010/DBC.BN	
1683	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1 - 35 ngày tuổi	D-33	215:2010/DBC.BN	
1684	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ trứng	D-34	216:2010/DBC.BN	
1685	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	A-3500	217:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1686	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt	D-36	218:2010/DBC.BN	
1687	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Dabaco số1	219:2010/DBC.BN	
1688	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn con tập ăn	D-40	220:2010/DBC.BN	
1689	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn - 15kg	D-40A	221:2010/DBC.BN	
1690	Thức ăn hỗn hợp cho thịt lợn từ 16 - 30kg	D-41	222:2010/DBC.BN	
1691	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất bán	D-42	223:2010/DBC.BN	
1692	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31 - 60kg	D-43	224:2010/DBC.BN	
1693	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15 - 30kg	D-46	225:2010/DBC.BN	
1694	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg - xuất bán	D-47	226:2010/DBC.BN	
1695	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg - xuất bán	D-47B	227:2010/DBC.BN	
1696	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn cái hậu bị và nái chửa	D-45	229:2010/DBC.BN	
1697	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con	D-48	230:2010/DBC.BN	
1698	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn đực giống	D-49	231:2010/DBC.BN	
1699	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	D-135	232:2010/DBC.BN	
1700	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	D-131	233:2010/DBC.BN	
1701	Thức ăn đậm đặc cao đạm dạng bột cho lợn thịt từ 5kg - xuất bán	D-151	234:2010/DBC.BN	
1702	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	D-137	235:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1703	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà giống bố mẹ từ 9 - 20 tuần tuổi	D-134	236:2010/DBC.BN	
1704	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	D-132	237:2010/DBC.BN	
1705	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà giống bố mẹ từ 20 tuần tuổi - kết thúc	D-136	238:2010/DBC.BN	
1706	Thức ăn đậm đặc dạng viên dùng cho vịt, ngan đẻ trứng	D-20	239:2010/DBC.BN	
1707	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn đến 30kg	DB-2007	240:2010/DBC.BN	
1708	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho lợn từ cai sữa đến 30kg	D-60	241:2010/DBC.BN	
1709	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 26 - 100kg	A-4520	242:2010/DBC.BN	
1710	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho lợn thịt từ 30 - 100kg	D-70	243:2010/DBC.BN	
1711	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	DB-9100	244:2010/DBC.BN	
1712	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	N-151A	245:2010/DBC.BN	
1713	Thức ăn đậm đặc cao đạm cho lợn thịt từ 5 - 100kg	DB-9001	246:2010/DBC.BN	
1714	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5 - 100kg	A-4530	247:2010/DBC.BN	
1715	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho lợn từ 5 - 100kg	D-80	248:2010/DBC.BN	
1716	Thức ăn đậm đặc cao đạm dùng cho lợn từ cai sữa - xuất bán	D-90	249:2010/DBC.BN	
1717	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn siêu nạc từ 10 - 100kg	A-4150	250:2010/DBC.BN	
1718	Thức ăn đậm đặc cho lợn vỗ béo	A-4540	251:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1719	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho lợn nái chửa và nái n.con	D-10	252:2010/DBC.BN	
1720	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái chửa và nái nuôi con	A-4550	253:2010/DBC.BN	
1721	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho bò tiết sữa	D-35	254:2010/DBC.BN	
1722	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	D-25	255:2010/DBC.BN	
1723	Thức ăn hỗn hợp cho gà Ai Cập đẻ trứng	D-53	256:2010/DBC.BN	
1724	Thức ăn cho chim cảnh	DB-CC1	257:2010/DBC.BN	
1725	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1 - 28 ngày tuổi	T-GM1	289:2010/DBC.BN	
1726	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29 - 60 ngày tuổi	T-GM2	290:2010/DBC.BN	
1727	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi - xuất bán	T-GM3	291:2010/DBC.BN	
1728	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi - xuất bán	K-GM3	292:2010/DBC.BN	
1729	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29 - 60 ngày tuổi	K-GM2	293:2010/DBC.BN	
1730	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1 - 28 ngày tuổi	K-GM1	294:2010/DBC.BN	
1731	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1 - 28 ngày tuổi	G-GM1	295:2010/DBC.BN	
1732	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29 - 60 ngày tuổi	G-GM2	296:2010/DBC.BN	
1733	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi - xuất bán	G-GM3	297:2010/DBC.BN	
1734	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1 - 28 ngày tuổi	D-GM1	298:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1735	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29 - 60 ngày tuổi	D-GM2	299:2010/DBC.BN	
1736	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi - xuất bán	D-GM3	300:2010/DBC.BN	
1737	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1 - 28 ngày tuổi	NS-GM1	301:2010/DBC.BN	
1738	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29 - 60 ngày tuổi	NS-GM2	302:2010/DBC.BN	
1739	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi - xuất bán	NS-GM3	303:2010/DBC.BN	
	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi và Nông nghiệp EH Việt Nam Địa chỉ: KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh Điện Thoại: 0241.3714566; Fax: 0241.3839266			
1740	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn siêu nạc từ 5kg đến xuất chuồng	EH-160	001:2011/EHBN	32/TB-NN
1741	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ 5kg đến xuất chuồng	EH-150S	002:2011/EHBN	32/TB-NN
1742	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ 5kg đến xuất chuồng	EH-150	003:2011/EHBN	32/TB-NN
1743	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ 5kg đến xuất chuồng	EH-151S	004:2011/EHBN	32/TB-NN
1744	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ 5kg đến xuất chuồng	EH-151	005:2011/EHBN	32/TB-NN
1745	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn nái	EH-1600	006:2011/EHBN	32/TB-NN
1746	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	P-189	007:2011/EHBN	32/TB-NN
1747	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg đến xuất chuồng	HI-1919	012:2011/EHBN	32/TB-NN
1748	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg đến xuất chuồng	HI-1818	013:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1749	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	EH-113	016:2011/EHBN	32/TB-NN
1750	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	EH-112C	017:2011/EHBN	32/TB-NN
1751	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	P-123	018:2011/EHBN	32/TB-NN
1752	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	HI-1320	020:2011/EHBN	32/TB-NN
1753	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 12kg - 30kg	EH-861	023:2011/EHBN	32/TB-NN
1754	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 30kg - 50kg	EH-862	024:2011/EHBN	32/TB-NN
1755	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 50kg - xuất bán	EH-863	025:2011/EHBN	32/TB-NN
1756	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa (05 ngày - 16kg)	EH-888	026:2011/EHBN	32/TB-NN
1757	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa (07 ngày -10kg)	EH-880S	027:2011/EHBN	32/TB-NN
1758	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa (07 ngày - 10kg)	EH-880	028:2011/EHBN	32/TB-NN
1759	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn con từ 15kg - 30kg	EH-882	029:2011/EHBN	32/TB-NN
1760	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn con từ 15kg - 30kg	EH-882A	030:2011/EHBN	32/TB-NN
1761	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	EH-883	031:2011/EHBN	32/TB-NN
1762	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	EH-884	032:2011/EHBN	32/TB-NN
1763	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	EH-8845	033:2011/EHBN	32/TB-NN
1764	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn nái có chửa	EH-866	034:2011/EHBN	32/TB-NN
1765	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn nái nuôi con	EH-868	035:2011/EHBN	32/TB-NN
1766	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 01 - 21 ngày	EH-211	036:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1767	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà tam hoàng từ 22 - 42 ngày	EH-212	037:2011/EHBN	32/TB-NN
1768	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà tam hoàng sau 43 ngày	EH-213	038:2011/EHBN	32/TB-NN
1769	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu từ 01 ngày đến xuất chuồng	EH-233	039:2011/EHBN	32/TB-NN
1770	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01 - 21 ngày	EH-510	040:2011/EHBN	32/TB-NN
1771	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 22 - 42 ngày	EH-511	041:2011/EHBN	32/TB-NN
1772	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt sau 43 ngày	EH-512	042:2011/EHBN	32/TB-NN
1773	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01 - 21 ngày	EH-510L	043:2011/EHBN	32/TB-NN
1774	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 22 - 42 ngày	EH-511L	044:2011/EHBN	32/TB-NN
1775	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt sau 43 ngày	EH-512L	045:2011/EHBN	32/TB-NN
1776	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần	EH-523	046:2011/EHBN	32/TB-NN
1777	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan con 01 - 21 ngày	EH-411	047:2011/EHBN	32/TB-NN
1778	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 - 42 ngày	EH-412	048:2011/EHBN	32/TB-NN
1779	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan thịt sau 43 ngày	EH-413	049:2011/EHBN	32/TB-NN
1780	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt, ngan thịt sau 01 ngày đến xuất chuồng	EH-432	050:2011/EHBN	32/TB-NN
1781	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa (05 ngày - 16kg)	P-999	051:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1782	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa (07 ngày - 10kg)	P-950S	052:2011/EHBN	32/TB-NN
1783	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa (07 ngày - 15kg)	P-950	053:2011/EHBN	32/TB-NN
1784	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn con (15kg - 30kg)	P-952	054:2011/EHBN	32/TB-NN
1785	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn con (15kg - 30kg)	P-952A	055:2011/EHBN	32/TB-NN
1786	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	P-954	056:2011/EHBN	32/TB-NN
1787	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	P-955	057:2011/EHBN	32/TB-NN
1788	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01 - 30 ngày	P-201	058:2011/EHBN	32/TB-NN
1789	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà lông màu sau 31 ngày - xuất bán	P-202	059:2011/EHBN	32/TB-NN
1790	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01 ngày đến xuất chuồng	P-203	060:2011/EHBN	32/TB-NN
1791	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01 - 21 ngày	P-5510	061:2011/EHBN	32/TB-NN
1792	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 22 - 42 ngày	P-5511	062:2011/EHBN	32/TB-NN
1793	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt sau 43 ngày	P-5512	063:2011/EHBN	32/TB-NN
1794	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 7 - 20 tuần	P-502	064:2011/EHBN	32/TB-NN
1795	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ trứng	P-503	065:2011/EHBN	32/TB-NN
1796	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan con 01 - 30 ngày	P-401	066:2011/EHBN	32/TB-NN
1797	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan thịt từ 30 ngày đến xuất chuồng	P-402	067:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1798	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan (1 ngày tuổi đến xuất chuồng)	P-403	068:2011/EHBN	32/TB-NN
1799	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa (05 ngày - 16kg)	HI-777	069:2011/EHBN	32/TB-NN
1800	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn sữa siêu nạc từ 05 ngày - 12kg	HI-750	070:2011/EHBN	32/TB-NN
1801	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn siêu nạc từ 16kg - 30kg	HI-752	071:2011/EHBN	32/TB-NN
1802	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn siêu nạc trên 31kg	HI-754	072:2011/EHBN	32/TB-NN
1803	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn siêu nạc trên 31kg	HI-755	073:2011/EHBN	32/TB-NN
1804	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01 - 28 ngày	HI-260	074:2011/EHBN	32/TB-NN
1805	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu sau 29 ngày	HI-261	075:2011/EHBN	32/TB-NN
1806	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01 ngày đến xuất chuồng	HI-262	076:2011/EHBN	32/TB-NN
1807	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01 - 20 ngày	HI-910	077:2011/EHBN	32/TB-NN
1808	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 21 - 40 ngày	HI-911	078:2011/EHBN	32/TB-NN
1809	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan con từ 01 - 28 ngày	HI-4610	079:2011/EHBN	32/TB-NN
1810	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt sau 29 ngày	HI-4611	080:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1811	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt sau 01 ngày đến xuất chuồng	HI-4612	081:2011/EHBN	32/TB-NN
1812	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa từ 05 ngày - 15kg	RG-7020	082:2011/EHBN	32/TB-NN
1813	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 15kg - 50kg	RG-7018	083:2011/EHBN	32/TB-NN
1814	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 50kg - 100kg	RG-7015	084:2011/EHBN	32/TB-NN
1815	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01 - 14 ngày	RG-7510	085:2011/EHBN	32/TB-NN
1816	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 15 - 28 ngày	RG-7511	086:2011/EHBN	32/TB-NN
1817	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 29 - 48 ngày	RG-7512	087:2011/EHBN	32/TB-NN
1818	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01 - 21 ngày	RG-7321	088:2011/EHBN	32/TB-NN
1819	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 22 - 42 ngày	RG-7322	089:2011/EHBN	32/TB-NN
1820	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ 5kg - 100kg	RG-7048	09:2010/EHBN	32/TB-NN
1821	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 43 ngày - xuất bán	RG-7323	090:2011/EHBN	32/TB-NN
1822	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan con từ 01 - 14 ngày	RG-7411	091:2011/EHBN	32/TB-NN
1823	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 15 - 42 ngày	RG-7412	092:2011/EHBN	32/TB-NN
1824	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 43 ngày - xuất bán	RG-7413	093:2011/EHBN	32/TB-NN
1825	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ	EH-423	094:2011/EHBN	32/TB-NN
1826	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn sữa từ tập ăn - 12kg	EH-860	095:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1827	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	EH-838	096:2011/EHBN	32/TB-NN
1828	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ 5kg - 100kg	RG-7046	10:2010/EHBN	32/TB-NN
1829	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ 5kg - 100kg	RG-7042	12:2010/EHBN	32/TB-NN
1830	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	RG-7113	18:2010/EHBN	32/TB-NN
1831	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg - 100kg	HI-1717	38:2010/EHBN	32/TB-NN
1832	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg - 100kg	EH-180	39:2010/EHBN	32/TB-NN
1833	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg - 100kg	P-190	40:2010/EHBN	32/TB-NN
	Nhà máy Thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc - Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam Địa chỉ: KCN Đồng Ngạnh, xã Khắc Niệm, Tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh Tel: 02413.821833. Fax: 02413.825116			
1834	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - 30kg	KB-01	01:2011/KB.BN	
1835	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg - xuất bán	KB-02	02:2011/KB.BN	
1836	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10kg - xuất bán	KB-03	03:2011/KB.BN	
1837	Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chửa và nái nuôi con	KB-04	04:2011/KB.BN	
1838	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ 26kg - xuất bán	KB-05	05:2011/KB.BN	
1839	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	KB-06	06:2011/KB.BN	
1840	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ cai sữa - xuất bán	KB-07	07:2011/KB.BN	
1841	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn - xuất bán	KB-08	08:2011/KB.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1842	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn - 15kg	KB-09	09:2011/KB.BN	
1843	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15 - 40kg	KB-10	10:2011/KB.BN	
1844	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 40kg - xuất bán	KB-12	12:2011/KB.BN	
1845	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 16 - 30kg	KB-13	13:2011/KB.BN	
1846	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg - xuất bán	KB-14	14:2011/KB.BN	
1847	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 61kg - xuất bán	KB-14L	15:2011/KB.BN	
1848	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Kinh Bắc số 1	16:2011/KB.BN	
1849	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút từ 1 - 35 ngày tuổi	KB-17	17:2011/KB.BN	
1850	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút đẻ trứng	KB-18	18:2011/KB.BN	
1851	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 1 - 15 ngày tuổi	KB-20	19:2011/KB.BN	
1852	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 16 - 30 ngày tuổi	KB-21	20:2011/KB.BN	
1853	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 31 ngày tuổi - xuất bán	KB-22	21:2011/KB.BN	
1854	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	KB-24	22:2011/KB.BN	
1855	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 31 ngày tuổi - xuất bán	KB-25	23:2011/KB.BN	
1856	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 31 ngày tuổi - xuất bán	KB-25L	24:2011/KB.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1857	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	KB-26	25:2011/KB.BN	
1858	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà hậu bị	KB-27	26:2011/KB.BN	
1859	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ siêu trứng	KB-28	27:2011/KB.BN	
1860	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái hậu bị và nái chửa	KB-31	28:2011/KB.BN	
1861	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái nuôi con	KB-32	29:2011/KB.BN	
1862	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho thỏ thịt	KB-37	30:2011/KB.BN	
1863	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho thỏ sinh sản	KB-38	31:2011/KB.BN	
1864	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt ngan thịt từ 1 - 28 ngày tuổi	KB-41	32:2011/KB.BN	
1865	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt ngan thịt từ 28 ngày tuổi - xuất bán	KB-42	33:2011/KB.BN	
1866	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt, ngan đẻ trứng	KB-45	34:2011/KB.BN	
1867	Thức ăn đậm đặc siêu cao đạm cho lợn thịt tập ăn - xuất bán	KB-99	35:2011/KB.BN	
1868	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò thịt	KB-34	36:2011/KB.BN	
1869	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi - xuất bán	KB-23	37:2011/KB.BN	
1870	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	KB-29	38:2011/KB.BN	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm Địa chỉ: KCN Lương Tài, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: 0241.3640666. Fax: 0241.3640640			
1871	Thức ăn siêu đậm đặc dạng bột cho lợn từ tập ăn đến 25kg	MT9999	01:2007/MTBN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1872	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng	MT999	02:2007/MTBN	
1873	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt	MT151	03:2007/MTBN	
1874	Thức ăn siêu đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	MT6666	04:2007/MTBN	
1875	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng	Mt6868	07:2007/MTBN	
1876	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng	MT145	08:2007/MTBN	
1877	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	MT990	104:2007/MTBN	
1878	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	A05	105:2007/MTBN	33/TBNN
1879	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	G05	106:2007/MTBN	33/TBNN
1880	Thức ăn hỗn hợp cho lợn tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 10kg	VS8851	107:2007/MTBN	
1881	Thức ăn hỗn hợp cho lợn tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 10kg	MT991	108:2007/MTBN	
1882	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	VS9930	109:2007/MTBN	
1883	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt thả đồng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	V05	112:2007/MTBN	33/TBNN
1884	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt thả đồng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	C05	113:2007/MTBN	33/TBNN
1885	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	G06	116:2007/MTBN	33/TBNN
1886	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	A06	117:2007/MTBN	33/TBNN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1887	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 15 - 30kg	814	119:2007/MTBN	33/TBNN
1888	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30 - 60kg	GF92	120:2007/MTBN	
1889	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30 - 60kg	815	120:2007/MTBN	33/TBNN
1890	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 60kg đến xuất bán	816	121:2007/MTBN	33/TBNN
1891	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 15 - 30kg	825	122:2007/MTBN	33/TBNN
1892	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 30kg đến xuất chuồng	826	123:2007/MTBN	33/TBNN
1893	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chửa	866	124:2007/MTBN	
1894	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con	867	125:2007/MTBN	
1895	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	G14	128:2007/MTBN	
1896	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	G15	129:2007/MTBN	
1897	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	G07	131:2007/MTBN	33/TBNN
1898	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	G08	132:2007/MTBN	33/TBNN
1899	Thức ăn đậm đặc cho ngan, vịt đẻ siêu trứng	V04	133:2007/MTBN	
1900	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trên 35 ngày tuổi	V09	135:2007/MTBN	
1901	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trên 35 ngày tuổi	GF282	135:2007/MTBN	
1902	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 15 - 30kg	214	136:2007/MTBN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1903	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 15 - 30kg	GF22	136:2007/MTBN	33/TBNN
1904	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30 - 60kg	215	137:2007/MTBN	
1905	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 60kg đến xuất bán	216	138:2007/MTBN	
1906	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 15 - 30kg	225	139:2007/MTBN	33/TBNN
1907	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 30kg đến xuất chuồng	226	140:2007/MTBN	33/TBNN
1908	Thức ăn đậm đặc cho ngan, vịt đẻ siêu trứng	C04	141:2007/MTBN	
1909	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chửa	266	141:2007/MTBN	
1910	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con	267	142:2007/MTBN	
1911	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng	414L	143:2007/MTBN	
1912	Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 đến 35 ngày tuổi	V08	143:2007/MTBN	
1913	Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 đến 35 ngày tuổi.	GF280	143:2007/MTBN	
1914	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	A14	146:2007/MTBN	
1915	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	A15	147:2007/MTBN	
1916	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán	A03	148:2007/MTBN	33/TBNN
1917	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	A07	149:2007/MTBN	33/TBNN
1918	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	A08	150:2007/MTBN	33/TBNN
1919	Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 đến 35 ngày tuổi	C08	152:2007/MTBN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1920	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trên 35 ngày tuổi	C09	153:2007/MTBN	
1921	Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chửa và nuôi con	1420	154:2007/MTBN	
1922	Siêu hạng cho heo thịt từ 15kg đến xuất bán	1510	155:2007/MTBN	
1923	Siêu cao đạm cho heo từ 5 kg đến xuất chuồng	1530	156:2007/MTBN	
1924	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	1590	157:2007/MTBN	
1925	Thức ăn hỗn hợp cho lợn tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 10kg	Super millk	158:2007/MTBN	
1926	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 15 - 30kg	GF80	160:2007/MTBN	33/TBNN
1927	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng	GF84	161:2007/MTBN	33/TBNN
1928	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 15 - 30kg	GF21	163:2007/MTBN	
1929	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 15 - 30kg	GF90	164:2007/MTBN	33/TBNN
1930	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chửa	GF66	167:2007/MTBN	
1931	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con	GF67	168:2007/MTBN	
1932	Siêu đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng	555	169:2007/MTBN	
1933	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 - 18 tuần tuổi	GF390	173:2007/MTBN	
1934	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	GF392	174:2007/MTBN	
1935	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	GF520	175:2007/MTBN	33/TBNN
1936	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	GF521	176:2007/MTBN	33/TBNN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1937	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán	GF522	177:2007/MTBN	33/TBNN
1938	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	GF650	178:2007/MTBN	33/TBNN
1939	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	GF652	179:2007/MTBN	
1940	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	GF452	180:2007/MTBN	33/TBNN
1941	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu 31 ngày tuổi đến xuất bán	GF454	181:2007/MTBN	
1942	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 1 - 22 ngày tuổi	GF950	182:2007/MTBN	33/TBNN
1943	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	GF951	183:2007/MTBN	
1944	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt thả đồng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	GF550	184:2007/MTBN	33/TBNN
1945	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho ngan, vịt đẻ siêu trứng	GF850	185:2007/MTBN	
1946	Thức ăn đậm đặc cho ngan, vịt đẻ siêu trứng	GF250	186:2007/MTBN	
1947	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	G01	189:2007/MTBN	33/TBNN
1948	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	G02	190:2007/MTBN	33/TBNN
1949	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán	G03	191:2007/MTBN	33/TBNN
1950	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	A01	192:2007/MTBN	33/TBNN
1951	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	A02	193:2007/MTBN	33/TBNN
1952	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	V06	201:2007/MTBN	33/TBNN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1953	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	C06	202:2007/MTBN	33/TBNN
1954	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	GF952	203:2007/MTBN	33/TBNN
1955	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến 30kg	MT0099	210:2009/MTBN	
1956	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến 30kg	VS0099	211:2009/MTBN	
1957	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến 30kg	GF0099	212:2009/MTBN	
1958	Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột cho lợn thịt	MT159	213:2009/MTBN	
1959	Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột cho lợn thịt	VS159	214:2009/MTBN	
1960	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	GF159	215:2009/MTBN	
1961	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng	MT59	216:2009/MTBN	
1962	Siêu đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng	VS59	217:2009/MTBN	
1963	Đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng	GF59	218:2009/MTBN	
1964	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng	M-EURO	219:2009/MTBN	33/TBNN
1965	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng	V-EURO	220:2009/MTBN	
1966	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 60kg đến xuất bán	GF94	221:2007/MTBN	33/TBNN
1967	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng	G-EURO	221:2007/MTBN	33/TBNN
1968	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho ngan, vịt đẻ siêu trứng	VO3	52:2007/MTBN	
1969	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	V02	53:2007/MTBN	33/TBNN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1970	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 1 - 22 ngày tuổi	V01	54:2007/MTBN	33/TBNN
1971	Thức ăn hỗn hợp cám sữa đặc biệt cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 15kg	Baby.mt	57:2007/MTBN	33/TBNN
1972	Thức ăn đậm đặc cao đạm cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	999	58:2007/MTBN	
1973	Thức ăn đậm đặc siêu cao đạm cho lợn từ tập ăn đến 50kg	989	59:2007/MTBN	
1974	Thức ăn đậm đặc siêu hạng cho lợn từ 5 kg đến xuất chuồng	979	60:2007/MTBN	
1975	Thức ăn đậm đặc siêu tốc cho lợn từ 15 kg đến xuất chuồng	969	61:2007/MTBN	
1976	Thức ăn đậm đặc siêu hạng cho lợn nái mang thai và nuôi con	959	62:2007/MTBN	
1977	Thức ăn siêu đậm đặc dạng bột dùng cho lợn vỗ béo	949	63:2007/MTBN	
1978	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 15 - 30kg	828	64:2007/MTBN	33/TBNN
1979	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng	818	65:2007/MTBN	33/TBNN
1980	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 1 - 22 ngày tuổi	C01	67:2007/MTBN	33/TBNN
1981	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	C02	68:2007/MTBN	33/TBNN
1982	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho ngan, vịt đẻ siêu trứng	CO3	69:2007/MTBN	
1983	Thức ăn hỗn hợp cám sữa đặc biệt cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 15kg	Baby.vs	70:2007/MTBN	33/TBNN
1984	Thức ăn hỗn hợp cám sữa đặc biệt cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 15kg	SuperBaby	70:2007/MTBN	33/TBNN
1985	Thức ăn cao đạm cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	666	73:2007/MTBN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1986	Thức ăn đậm đặc siêu cao đạm cho lợn từ tập ăn đến 50kg	656	74:2007/MTBN	
1987	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng	646	75:2007/MTBN	
1988	Thức ăn đậm đặc siêu tốc cho lợn từ 15 kg đến xuất chuồng	636	76:2007/MTBN	
1989	Thức ăn đậm đặc siêu hạng cho lợn nái mang thai và nuôi con	626	77:2007/MTBN	
1990	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 15 - 30kg	222	80:2007/MTBN	33/TBNN
1991	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng	212	81:2007/MTBN	
1992	Siêu đậm đặc cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	BigBang	82:2008/MTBN	
1993	Siêu đậm đặc cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	New Star	83:2007/MTBN	
	Công ty TNHH NUTRECO Địa chỉ: KCN Đại Đồng, Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh Điện thoại: 0241.3847995/3847997. Fax: 0241.3847994			
1994	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn con từ tập ăn đến 15kg	N-909	001:2010/NTC	
1995	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn siêu nạc từ 20 - 50kg	N-919	002:2010/NTC	
1996	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn siêu nạc từ 50kg - xuất bán	N-929	003:2010/NTC	
1997	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn siêu nạc từ 30kg - xuất bán	N-939	004:2010/NTC	
1998	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 15 - 30kg	N-949	005:2010/NTC	
1999	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 30kg - xuất bán	N-959	006:2010/NTC	
2000	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 20kg - 50kg	N-969	007:2010/NTC	
2001	Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái hậu bị và nái chửa	N-819	008:2010/NTC	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2002	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái nuôi con	N-829	009:2010/NTC	
2003	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	N-999	010:2010/NTC	
2004	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	N-709	011:2010/NTC	
2005	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	N-719	012:2010/NTC	
2006	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 29 - 42 ngày tuổi	N-729	013:2010/NTC	
2007	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi - xuất bán	N-739	014:2010/NTC	
2008	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 1 - 21 ngày tuổi	N-749	015:2010/NTC	
2009	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 22 - 42 ngày tuổi bán	N-759	016:2010/NTC	
2010	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thả vườn từ 30 ngày tuổi - xuất bán	N-759L	017:2010/NTC	
2011	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	N-769	018:2010/NTC	
2012	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà hậu bị từ 8 - 18 tuần tuổi	N-789	019:2010/NTC	
2013	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ siêu trứng	N-799	020:2010/NTC	
2014	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	N-609	021:2010/NTC	
2015	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt, ngan thịt từ 1 - 28 ngày tuổi	N-659	022:2010/NTC	
2016	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày tuổi - xuất bán	N-669	023:2010/NTC	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2017	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ	N-689	024:2010/NTC	
2018	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút hậu bị	N-509	025:2010/NTC	
2019	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút đẻ.	N-519	026:2010/NTC	
2020	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho gà gột từ 1 - 21 ngày tuổi	N-749A	027:2011/NTC	
2021	Thức ăn hảo hạng cho lợn sữa từ 5 ngày tuổi - 8 kg	N-909A	028:2011/NTC	
2022	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn siêu nạc từ 10 - 30 kg	N-919A	029:2011/NTC	
2023	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 10 - 30 kg	N-949A	030:2011/NTC	
2024	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg - xuất bán	N-989	031:2011/NTC	
2025	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 43 ngày tuổi - xuất bán	N-779	032:2011/NTC	
	Cơ sở Thức ăn gia súc Tân Hưng Địa chỉ: 1766 khu phố 5, phường Phước Hiệp, Tx. Bà Rịa, Bà Rịa Vũng Tàu Điện thoại: 0643825998			
2026	Thức ăn cho lợn từ 15 - 30kg	D	TC 01-2001/TAH	
2027	Thức ăn cho lợn từ 30 - 60kg	6	TC 01-2001/TAH	
2028	Thức ăn cho lợn từ 60kg - xuất chuồng	7	TC 01-2001/TAH	
2029	Thức ăn cho lợn nái hậu bị và nái mang thai	10	TC 01-2001/TAH	
	Công ty TNHH Japfa Comfeed Bình Thuận Địa chỉ: Xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận Điện thoại: 0623 531530. Fax: 0623.531532			
2030	Cốm sữa cho heo con theo mẹ đến sau cai sữa 02 tuần	Milac A	01:2010/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2031	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn đến 20 kg	Milac B	02:2010/JCB	
2032	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi - loại thải	636	02:2011/JCB	
2033	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt cao sản từ 15 kg - 40kg	652S	03:2010/JCB	
2034	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt cao sản từ 40 kg - 70kg	653S	04:2010/JCB	
2035	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi - loại thải	9636	04:2011/JCB	
2036	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo hậu bị giống cao sản từ 60 kg trở lên	655S	05:2011/JCB	
2037	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn đến 8 kg	650	06:2010/JCB	
2038	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái cao sản từ phối giống - 107 ngày mang thai	656S	06:2011/JCB	
2039	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái cao sản từ 07 ngày trước khi đẻ - nuôi con	657S	07:2011/JCB	
2040	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn đến 15 kg	651	08:2010/JCB	
2041	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15 kg - 30 kg	652	10:2010/JCB	
2042	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi - loại thải	9230	107:2010/JCB	
2043	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà hậu bị từ 05 tuần tuổi - 18 tuần tuổi	9231	108:2010/JCB	
2044	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con siêu thịt từ 01 - 14 ngày tuổi	610	11:2011/JCB	
2045	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 21 - 42 ngày tuổi	622X	116:2010/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2046	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 21 - 42 ngày tuổi	9622X	118:2010/JCB	
2047	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	653	12:2010/JCB	
2048	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà giò siêu thịt từ 15 ngày - 28 ngày tuổi	611	12:2011/JCB	
2049	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh gà thịt từ 29 ngày - 42 ngày tuổi	612C	13:2011/JCB	
2050	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 60 kg - xuất chuồng	654	14:2010/JCB	
2051	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt từ 29 ngày - 42 ngày tuổi	612	14:2011/JCB	
2052	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái mang thai	456	15:2010/JCB	
2053	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt 07 ngày trước khi xuất chuồng	613	15:2011/JCB	
2054	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai	656	16:2010/JCB	
2055	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con siêu thịt từ 01 - 14 ngày tuổi	9610	16:2011/JCB	
2056	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái từ 14 ngày trước khi đẻ - nuôi con	457	17:2010/JCB	
2057	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà giò siêu thịt từ 15 ngày - 28 ngày tuổi	9611	17:2011/JCB	
2058	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái từ 14 ngày trước khi đẻ - nuôi con	657	18:2010/JCB	
2059	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh gà thịt từ 29 ngày - 42 ngày tuổi	9612C	18:2011/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2060	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt từ 20kg - 40kg	652A	19:2010/JCB	
2061	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt từ 29 ngày - 42 ngày tuổi	9612	19:2011/JCB	
2062	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt từ 40kg - xuất chuồng	653A	20:2010/JCB	
2063	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt 07 ngày trước khi xuất chuồng	9613	20:2011/JCB	
2064	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt cao sản từ 15 kg - xuất chuồng	252	22:2010/JCB	
2065	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt siêu nạc từ 15kg - xuất chuồng	253	23:2010/JCB	
2066	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt siêu nạc từ 05kg - xuất chuồng	253X	24:2010/JCB	
2067	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái mang thai và nuôi con	258 GESTALAC	25:2010/JCB	
2068	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh gà thịt lông màu từ 01 - 28 ngày tuổi	621	30:2010/JCB	
2069	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 28 ngày - 42 ngày tuổi	622	31:2010/JCB	
2070	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 42 ngày - xuất chuồng	623	32:2010/JCB	
2071	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 01 ngày - 08 tuần tuổi	630	34:2010/JCB	
2072	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 08 tuần - 12 tuần tuổi	631	36:2010/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2073	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà hậu bị từ 12 tuần - 18 tuần tuổi	432	37:2010/JCB	
2074	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 12 tuần - 18 tuần tuổi	632	38:2010/JCB	
2075	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 18 tuần - 60 tuần tuổi	433	39:2010/JCB	
2076	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 18 tuần - 60 tuần tuổi	633	40:2010/JCB	
2077	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 01 - 21 ngày tuổi	641	45:2010/JCB	
2078	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt 04 tuần trước khi xuất chuồng	643	47:2010/JCB	
2079	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18 tuần tuổi - loại thải	645	49:2010/JCB	
2080	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng từ 18 tuần tuổi - loại thải	646	50:2010/JCB	
2081	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút hậu bị từ 01 - 35 ngày tuổi	461	51:2010/JCB	
2082	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi - loại thải	462	52:2010/JCB	
2083	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 01 ngày tuổi - xuất chuồng	210	53:2010/JCB	
2084	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà hậu bị từ 05 tuần tuổi - 18 tuần tuổi	231	54:2010/JCB	
2085	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi - loại thải	230	55:2010/JCB	
2086	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt cao sản từ 15 kg - 40kg	9652S	56:2010/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2087	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt cao sản từ 40 kg - 70kg	9653S	57:2010/JCB	
2088	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn đến 15 kg	9651	61:2010/JCB	
2089	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15 kg - 30 kg	9652	63:2010/JCB	
2090	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	9653	65:2010/JCB	
2091	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai	9656	69:2010/JCB	
2092	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái từ 14 ngày trước khi đẻ - nuôi con	9657	71:2010/JCB	
2093	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt cao sản từ 15 kg - xuất chuồng	9252	75:2010/JCB	
2094	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt siêu nạc từ 15kg - xuất chuồng	9253	76:2010/JCB	
2095	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh gà thịt lông màu từ 01 - 28 ngày tuổi	9621	83:2010/JCB	
2096	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 28 - 42 ngày tuổi	9622	84:2010/JCB	
2097	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 42 ngày - xuất chuồng	9623	85:2010/JCB	
2098	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 01 ngày - 08 tuần tuổi	9630	87:2010/JCB	
2099	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 08 tuần - 12 tuần tuổi	9631	89:2010/JCB	
2100	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 12 tuần - 18 tuần tuổi	9632	91:2010/JCB	
2101	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 18 tuần - 60 tuần tuổi	9433	92:2010/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2102	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 18 tuần - 60 tuần tuổi	9633	93:2010/JCB	
	Doanh nghiệp tư nhân Thành Hưng Địa chỉ: 665C Ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre Điện thoại: 075.3822627. Fax: 075.3827679			
2103	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn từ 15kg - 30kg	D	01:2011/TH	
2104	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn từ 30kg - 60kg	6	02:2011/TH	
2105	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn từ 60kg đến xuất chuồng	7	03:2011/TH	
2106	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn nái nuôi con	9	04:2011/TH	
2107	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn nái chửa, hậu bị	E	05:2011/TH	
2108	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 15kg - 30kg	A0101	06:2011/TH	
2109	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 30kg - 60kg	A0606	07:2011/TH	
2110	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 60kg đến xuất chuồng	A0707	08:2011/TH	
2111	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn nái nuôi con	A0808	09:2011/TH	
2112	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn nái chửa, hậu bị	A0909	10:2011/TH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2113	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 15kg - 30kg	A0101	11:2011/TH	
2114	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 30kg - 60kg	A0606	12:2011/TH	
2115	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 60kg đến xuất chuồng	A0707	13:2011/TH	
2116	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn nái nuôi con	A0808	14:2011/TH	
2117	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn nái chửa, hậu bị	A0909	15:2011/TH	
2118	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho bò thịt	9	16:2011/TH	
2119	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho bò vỗ béo	10	17:2011/TH	
	Cơ sở Thức ăn gia súc Thiên An Địa chỉ: Ấp 1A, Thạnh Phú Đông, Giồng Trôm, Bến Tre Điện thoại: 075.3864629. Fax: 075.3864629			
2120	Hỗn hợp dùng cho vịt chạy đồng	601	01:2010/TA	
2121	Hỗn hợp thức ăn dùng cho bò thịt, vỗ béo	1600	01:2011/TA	
2122	Hỗn hợp dùng cho bò thịt, bò vỗ béo	554	01:2011/TA	
2123	Hỗn hợp dùng cho vịt chạy đồng, vỗ béo	557	01:2011/TA	
2124	Hỗn hợp dùng cho heo từ 15 - 30kg	D	01:2011/TA	
2125	Hỗn hợp dùng cho vịt chạy đồng	602	02:2010/TA	
2126	Hỗn hợp thức ăn dùng cho bò sữa	1700	02:2011/TA	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2127	Hỗn hợp dùng cho bò sữa	555	02:2011/TA	
2128	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 1 ngày đến xuất	559	02:2011/TA	
2129	Hỗn hợp dùng cho heo từ 30 - 60kg	6	02:2011/TA	
2130	Hỗn hợp thức ăn dùng cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất	603	03:2010/TA	
2131	Hỗn hợp dùng cho heo từ 60 - 100kg	7	03:2011/TA	
2132	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ siêu trứng	558	03:2011/TA	
2133	Hỗn hợp thức ăn dùng cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất	604	04:2010/TA	
2134	Hỗn hợp dùng cho heo nái hậu bị và nái khô	E	04:2011/TA	
2135	Hỗn hợp cho gà thả vườn từ 1 ngày - xuất	556	04:2011/TA	
2136	Hỗn hợp dùng cho nái nuôi con	9	05:2011/TA	
2137	Hỗn hợp dùng cho heo từ 15 - 30kg	D	TA.BT01/07	
2138	Hỗn hợp dùng cho heo từ 15 - 30kg	D	TA.BT01/08	
2139	Hỗn hợp dùng cho bò thịt, bò vỗ béo	1900	TA.BT01/08	
2140	Hỗn hợp dùng cho heo từ 30 - 60kg	6	TA.BT02/07	
2141	Hỗn hợp dùng cho heo từ 30 - 60kg	6	TA.BT02/08	
2142	Hỗn hợp dùng cho bò sữa	1800	TA.BT02/08	
2143	Hỗn hợp dùng cho heo từ 60 - 100kg	7	TA.BT03/07	
2144	Hỗn hợp dùng cho heo từ 60 - 100kg	7	TA.BT03/08	
2145	Hỗn hợp dùng cho heo nái chửa	E	TA.BT04/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2146	Hỗn hợp dùng cho heo nái hậu bị và nái khô	E	TA.BT04/08	
2147	Hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	9	TA.BT05/07	
2148	Hỗn hợp dùng cho nái nuôi con	9	TA.BT05/08	
	Công ty TNHH chăn nuôi TĂGS Tấn Lợi Địa chỉ: Số 49 Công Lý, khu phố II, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, Bến Tre Điện thoại: 0753.843.277. Fax: 0753.843.530			
2149	Dùng cho heo từ 15kg -> xuất chuồng	Tấn Lợi 991	TL.BT01/06	
2150	Dùng cho heo từ 15 -> 30kg dạng viên	TALOFEED V652	TL.BT01/07	
2151	Dùng cho heo từ 15 -> 30kg dạng viên	RUBYFEED V852	TL.BT01/07	
2152	Dùng cho heo từ 15 -> 30kg dạng viên	PIGI V9052	TL.BT01/07	
2153	Dùng cho heo từ 15kg -> xuất chuồng	Tấn Lợi 992	TL.BT01/08	
2154	Dùng cho vịt con từ 1-> 21 ngày tuổi	PIGIFEED 901	TL.BT01/08	
2155	Dùng cho heo từ 30 -> 60kg dạng bột	Hưng Phát 6	TL.BT02/01	
2156	Dùng cho heo từ 15 -> 30kg dạng viên	Tấn Lợi 952	TL.BT02/06	
2157	Dùng cho heo từ 15 -> 30kg dạng viên	Hưng Phát 952	TL.BT02/06	
2158	Dùng cho heo từ 30 -> 60kg dạng viên	TALOFEED V653	TL.BT02/07	
2159	Dùng cho heo từ 30 -> 60kg dạng viên	RUBYFEED V853	TL.BT02/07	
2160	Dùng cho heo từ 30 -> 60kg dạng viên	PIGI V9053	TL.BT02/07	
2161	Dùng cho vịt thịt từ 22 ngày -> xuất chuồng	PIGIFEED 902	TL.BT02/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2162	Dùng cho heo từ 30 -> 60kg dạng viên	Tấn Lợi 953	TL.BT03/06	
2163	Dùng cho heo từ 30 -> 60kg dạng viên	Hưng Phát 953	TL.BT03/06	
2164	Dùng cho heo nái chửa dạng viên	TALOFEED V656	TL.BT03/07	
2165	Dùng cho heo nái mang thai dạng viên	RUBYFEED V856	TL.BT03/07	
2166	Dùng cho heo từ 60kg -> xuất chuồng dạng viên	PIGI V9054	TL.BT03/07	
2167	Dùng cho vịt vỗ béo	PIGIFEED 904	TL.BT03/08	
2168	Dùng cho heo nái nuôi con dạng bột	Hưng Phát 9	TL.BT03/09	
2169	Dùng cho heo từ 60kg -> xuất chuồng dạng viên	Tấn Lợi 954	TL.BT04/06	
2170	Dùng cho heo nái chửa dạng viên	Tấn Lợi 956	TL.BT04/06	
2171	Dùng cho heo nái mang thai dạng viên	Hưng Phát 956	TL.BT04/06	
2172	Dùng cho heo nái hậu bị	TALOFEED 8	TL.BT04/07	
2173	Dùng cho heo từ 15 -> 30kg dạng bột	TALOFEED 652	TL.BT04/07	
2174	Dùng cho heo từ 15 -> 30 kg dạng bột	RUBYFEED 852	TL.BT04/07	
2175	Dùng cho heo nái mang thai dạng viên	PIGI V9056	TL.BT04/07	
2176	Dùng cho vịt đẻ siêu trứng	PIGIFEED 900	TL.BT0408	
2177	Dùng cho heo từ 15 -> 30 kg dạng bột	Tấn Lợi D	TL.BT05/06	
2178	Dùng cho heo từ 30 -> 60kg dạng bột	TALOFEED 653	TL.BT05/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2179	Dùng cho heo từ 30 -> 60 kg dạng bột	RUBYFEED 853	TL.BT05/07	
2180	Dùng cho heo nái nuôi con dạng viên	PIGI V9057	TL.BT05/07	
2181	Dùng cho gà con từ 1 -> 21 ngày tuổi	TALOFEED 600	TL.BT05/08	
2182	Dùng cho heo từ 30 -> 60 kg dạng bột	Tấn Lợi 6	TL.BT06/06	
2183	Dùng cho heo từ 30 -> 60kg dạng bột	TALOFEED 654	TL.BT06/07	
2184	Dùng cho heo từ 30 -> 60kg dạng bột	RUBYFEED 854	TL.BT06/07	
2185	Dùng cho gà thịt từ 22 -> 35 ngày tuổi	TALOFEED 601	TL.BT06/08	
2186	Dùng cho heo từ 60kg -> xuất chuồng	Tấn Lợi 7	TL.BT07/06	
2187	Dùng cho heo nái chửa dạng bột	TALOFEED 656	TL.BT07/07	
2188	Dùng cho heo nái chửa dạng bột	RUBYFEED 856	TL.BT07/07	
2189	Dùng cho gà thịt từ 35 ngày tuổi -> xuất chuồng	TALOFEED 602	TL.BT07/08	
2190	Dùng cho heo nái mang thai dạng bột	Tấn Lợi E	TL.BT08/06	
2191	Dùng cho heo nái mang thai dạng bột	Hưng Phát E	TL.BT08/06	
2192	Dùng cho heo nái nuôi con dạng viên	Tấn Lợi 957	TL.BT08/07	
2193	Dùng cho heo nái nuôi con dạng viên	Hưng Phát 957	TL.BT08/07	
2194	Dùng cho heo nái nuôi con dạng bột	TALOFEED 657	TL.BT08/07	
2195	Dùng cho heo nái nuôi con dạng viên	TALOFEED V657	TL.BT08/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2196	Dùng cho heo nái tiết sữa, nuôi con dạng bột	RUBYFEED 857	TL.BT08/07	
2197	Dùng cho gà ta, gà tàu từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng	TALOFEED 604	TL.BT08/08	
2198	Dùng cho heo nái nuôi con dạng bột	Tấn Lợi 9	TL.BT09/06	
2199	Dùng cho heo nái hậu bị	Tấn Lợi 8	TL.BT09/06	
2200	Dùng cho heo nái hậu bị	Hưng Phát 8	TL.BT09/06	
2201	Dùng cho gà con từ 1 -> 21 ngày tuổi	TALOFEED 600L	TL.BT09/08	
2202	Dùng cho gà thịt từ 22 -> 35 ngày tuổi	TALOFEED 601L	TL.BT10/08	
2203	Dùng cho gà thịt từ 35 ngày tuổi -> xuất chuồng	TALOFEED 602L	TL.BT11/08	
2204	Dùng cho heo từ 15 -> 30kg dạng bột	Hưng Phát D	TL.BT24/98	
2205	Dùng cho heo từ 60kg -> xuất chuồng dạng bột	Hưng Phát 7	TL.BT27/98	
	Doanh nghiệp tư nhân Tiến Thành Địa chỉ: Ấp Nghĩa Huấn, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, Bến Tre Điện thoại: 0753.823550. Fax: 0753.823048			
2206	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15 - 30kg và nái nuôi con	TĂGSTT D	01/2001	
2207	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30 - 60kg	TĂGSTT 6	01/2001	
2208	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng	TĂGSTT 7	01/2001	
2209	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái chửa	TĂGSTT E	01/2001	
2210	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15 - 30kg và nái nuôi con	TĂGSST D	01/2001	
2211	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30 - 60kg	TĂGSST 6	01/2001	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2212	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng	TĂGSST 7	01/2001	
2213	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái chửa	TĂGSST E	01/2001	
2214	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	Long Hưng 1208	TT-BT 01/05	
2215	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò thịt	Long Hưng 2208	TT-BT 02/05	
	Công ty TNHH An Lợi Địa chỉ: C326 - Lộ 91B, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ Điện thoại: 0710.3893933. Fax: 0710.3891977			
2216	Thứ ăn bổ sung ADE, canxi, phospho cho gia súc, gia cầm	CANXI-DE	AL. CT 05/07	
2217	Thức ăn bồi dưỡng heo nái - Kích thích tạo sữa	SOW SUPER MEAL	AL. CT01/05	
2218	Thức ăn bổ sung khoáng	MENIRAL MIX	AL. CT01/07	
2219	Thức ăn bổ sung bồi dưỡng heo con	PIGLET SUPER MEAL	AL. CT02/05	
2220	Thức ăn bổ sung vitamin khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho heo nái	SOW PROLAC	AL. CT02/07	
2221	Thức ăn bổ sung vitamin ADE, canxi, phosphor, phòng ngừa bại liệt - Kích thích tạo sữa	ADE CALPHOS	AL. CT03/05	
2222	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho heo từ tập ăn - 30kg	AMINOZYME	AL. CT03/07	
2223	Thức ăn bổ sung Vitamin C, canxi, phoxpho	C-CALPHOS	AL. CT04/05	
2224	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho heo thịt	NUTRI-PLEX	AL. CT04/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2225	Thức ăn bổ sung vitamin E, canxi, phospho, kích thích tăng trọng	E-CALPHOS	AL. CT05/05	
2226	Thức ăn bổ sung Biotin, canxi, phospho	BIOTINE-CALPHOS	AL. CT06/05	
2227	Thức ăn bổ sung Biotin, canxi, phosphor cho gia súc, gia cầm	CANXI- H	AL. CT06/07	
2228	Thức ăn bổ sung lysine, canxi, phospho	CALPHOSINE	AL. CT07/05	
2229	Thức ăn bổ sung acid amin, khoáng cho gia súc, gia cầm	ME-LYSINE	AL. CT07/07	
2230	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa	MULTIZYME	AL. CT08/05	
2231	Thức ăn bổ sung Vitamin tổng hợp cho gia súc, gia cầm	VTA-COMPLEX	AL. CT08/07	
2232	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm	VITA PLUS	AL. CT09/07	
2233	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng	VITAME-NIRAL- C	AL. CT09/05	
2234	Thức ăn bổ sung Vitamin hỗn hợp	VITAMIX Soluble	Al. CT10/05	
2235	Thức ăn bổ sung vitamin C, B_1, B_6 cho gia súc, gia cầm	VITAMIN C Soluble	AL. CT10/07	
2236	Thức ăn bổ sung vitamin C cho gia súc, gia cầm	VITAMIN C Antistress	AL. CT11/07	
2237	Thức ăn bổ sung vitamin C, B_1, B_6 cho gia súc, gia cầm	AVIT C200	AL. CT12/07	
2238	Thức ăn bổ sung vitamin C cho gia súc, gia cầm	AVITA C150	AL. CT13/07	
2239	Thức ăn bổ sung vitamin và men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	FEEDZYME	AL. CT14/07	
2240	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, men vi sinh cho gia súc, gia cầm	LACTOZYME	AL. CT15/07	
2241	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo nái	CUSTOMIX 1749	AL. CT16/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2242	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B và colistine sulfate cho gia súc, gia cầm	ANTI- COLI	AL. CT17/07	
2243	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa và men vi sinh cho gia súc, gia cầm	ENZYME	AL. CT18/07	
2244	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, colistine sulfate, ampicilline cho gia súc, gia cầm	AMPI-COLI	AL. CT19/07	
2245	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, acid amin, oxytetra cho gia súc, gia cầm	TETRA-AMINO	AL. CT20/07	
2246	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, enrofloxacine cho gia súc, gia cầm	ENRO- VIT	AL. CT21/07	
2247	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, men tiêu hóa, Zinc bacitracine cho gia súc, gia cầm	BACI-FERM	AL. CT22/07	
2248	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin, enzyme cho heo nái	Dưỡng thai - tạo sữa	AL. CT24/07	
2249	Thức ăn bổ sung chất điện giải cho gia súc, gia cầm	ELECTRO-LYTE	AL. CT25/07	
2250	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B và sulfadiazine cho gia súc, gia cầm	VITASUL	AL. CT26/07	
2251	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, men tiêu hóa, colistine sulfate cho gia súc, gia cầm	COLI-ZYME	AL. CT27/07	
2252	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, Amoxcilline, Gentamycine cho gia súc, gia cầm	AMOGENCO	AL. CT28/07	
2253	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B và Aureomycine cho gia súc, gia cầm	AUREO	AL. CT30/07	
2254	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B và Norfloxacine cho gia súc, gia cầm	VITA-NOR	AL. CT31/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2255	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, vitamin C, lysine. Methionine, sorbitol cho gia súc, gia cầm	SORBITOL-C	AL. CT32/07	
	Công ty TNHH Minh Tân Lô 30 A3 - 5, KCN Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ Điện thoại: 0710.3501189. Fax: 0710 3843474			
2256	Premix vitamin, khoáng cho gia cầm	MT - Tăng trứng	01:2011/MTCT	
2257	Premix vitamin, khoáng cho gia cầm	CANA EGGS	02:2011/MTCT	
2258	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	BEST LEAN	03:2011/MTCT	
2259	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	MULTI LEAN	04:2011/MTCT	
2260	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	MITA LEAN	05:2011/MTCT	
2261	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA CSOL	06:2011/MTCT	
2262	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	COOLER	07:2011/MTCT	
2263	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA CMAX	08:2011/MTCT	
2264	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA AD3E	09:2011/MTCT	
2265	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA BIOTIN	10:2011/MTCT	
2266	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	BIOTIN AD3E	11:2011/MTCT	
2267	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	SUPER PANAMIX	12:2011/MTCT	
2268	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	PHOSCAMIX	13:2011/MTCT	
2269	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	SELEN E	14:2011/MTCT	
2270	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	MT Chống còi	15:2011/MTCT	
2271	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	CANXI C	16:2011/MTCT	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2272	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	MITA MILK S	17:2011/MTCT	
2273	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	FAST WEIGHT	18:2011/MTCT	
2274	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	YES PIG	19:2011/MTCT	
2275	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	AB CHICK	20:2011/MTCT	
2276	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	ANTIBAC	21:2011/MTCT	
2277	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	SKIP	22:2011/MTCT	
2278	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	MITAZYME PIG	23:2011/MTCT	
2279	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	ALPHAZYME	24:2011/MTCT	
2280	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	PROTAZYME	25:2011/MTCT	
2281	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	MITARON	26:2011/MTCT	
2282	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	LACTOCIN	27:2011/MTCT	
2283	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	LACTO SKIP	28:2011/MTCT	
2284	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	YES MD	29:2011/MTCT	
2285	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	MITA PLUS	30:2011/MTCT	
2286	Phụ gia thức ăn dùng cho vật nuôi	ACIDIFIER	31:2011/MTCT	
2287	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	SORBITOL B_{12}	32:2011/MTCT	
2288	Premix khoáng dùng cho vật nuôi	MITALYTE	33:2011/MTCT	
2289	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	MITA Q&Y	34:2011/MTCT	
2290	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	RUDDY	35:2011/MTCT	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2291	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA BCOMPLEX	36:2011/MTCT	
2292	Premix bổ sung vitamin, khoáng cho vật nuôi	HEPATIC 900	37:2011/MTCT	
2293	Premix bổ sung vitamin cho vật nuôi	CHOLIVER	38:2011/MTCT	
	Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi - Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ Địa chỉ: KCN Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ ĐT: 0710.3841521 - 3744445. Fax: 0710.3841429 - 3744446			
2294	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn từ 7 ngày - 8 kg	CB-H01	TACB.36/11	24/TB.CCTY
2295	Thức ăn hỗn hợp cho heo con sau cai sữa từ 8 - 15 kg	CB-H02	TACB.37/11	24/TB.CCTY
2296	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15 - 30 kg	CB-H03	TACB.38/11	24/TB.CCTY
2297	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30 - 60 kg	CB-H04	TACB.39/11	24/TB.CCTY
2298	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60 kg - xuất chuồng	CB-H05	TACB.40/11	24/TB.CCTY
2299	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 8 - 30 kg	CB-H06	TACB.41/11	24/TB.CCTY
2300	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30 kg - xuất chuồng	CB-H07	TACB.42/11	24/TB.CCTY
2301	Thức ăn hỗn hợp cho heo cái hậu bị	CB-H08	TACB.43/11	24/TB.CCTY
2302	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	CB-H09	TACB.44/11	24/TB.CCTY
2303	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	CB-H10	TACB.45/11	24/TB.CCTY
2304	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 - 28 ngày tuổi	CB-G01	TACB.46/11	26/TB.CCTY
2305	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 29 ngày tuổi - 7 ngày trước xuất chuồng	CB-G02	TACB.47/11	26/TB.CCTY

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2306	Thức ăn hỗn hợp cho gà vỗ béo - 7 ngày trước xuất chuồng	CB-G03	TACB.48/11	26/TB.CCTY
2307	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị hướng trứng	CB-G04	TACB.49/11	26/TB.CCTY
2308	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm	CB-G05	TACB.50/11	26/TB.CCTY
2309	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	CB-V01	TACB.51/11	25/TB.CCTY
2310	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi - xuất chuồng	CB-V02	TACB.52/11	25/TB.CCTY
2311	Thức ăn hỗn hợp cho vịt vỗ béo	CB-V03	TACB.53/11	25/TB.CCTY
2312	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng thương phẩm	CB-V04	TACB.54/11	25/TB.CCTY
	Công ty TNHH Thuốc Thú y 2/9 Cần Thơ Địa chỉ: 108/46/6B đường Nguyễn Việt Hồng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ Tel: 07103.833063. Fax: 07103.832578			
2313	Men tiêu hóa	LAC-STREP	2/9.CT 01/05	
2314	Men tiêu hóa	LAC0BAZYM	2/9.CT 02/05	
2315	Men tiêu hóa	STREP-LC	2/9.CT 03/05	
2316	Men tiêu hóa	VS-5WAY	2/9.CT 04/05	
2317	Khoáng vi lượng	PROTA-IOD	2/9.CT 07/05	
2318	Men tiêu hóa	ZYM-LAC	2/9.CT 08/04	
2319	Vitamin - Khoáng - A.Amin	MULTI-PREMIX	2/9.CT 08/05	
2320	Vitamin - Khoáng - Men tiêu hóa	BIOTIC-PREMIX	2/9.CT 09/04	
2321	Men tiêu hóa	AS-BAZYM	2/9.CT 10/05	
2322	Men tiêu hóa	STREP-TOZYM	2/9.CT 11/05	
2323	Men tiêu hóa	S-BIO-ZYM	2/9.CT 12/05	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2324	Men tiêu hóa	MICRO-SACC	2/9.CT 14/04	
2325	Men tiêu hóa	ADB-COLI	2/9.CT 15/05	
2326	Vitamin - Khoáng - Men tiêu hóa	BIO-MUTIZYM	2/9.CT 17/04	
	Công ty TNHH Vạn Lợi Địa chỉ: 136B - đường Nguyễn Văn Cừ kéo dài, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ Điện thoại/Fax: 0710.3894077			
2327	Thức ăn bổ sung Vitamin, khoáng, enzyme cho gia súc, gia cầm	VIOFA	VL. CT- 12/06	
2328	Thức ăn bổ sung Vitamin nhóm B, kitasamycine cho gia súc, gia cầm	KITANOX-100	VL- CT- 06/06	
2329	Thức ăn bổ sung vitamin C, Oxytetracycline cho gia súc, gia cầm	OXYTETRA-C	VL. CT- 01/07	
2330	Thức ăn bổ sung Vitamin, khoáng, acid amin cho heo con	PIGLET-CARE	VL. CT- 01/06	
2331	Thức ăn bổ sung vitamin A, D, E, C và nhóm B cho gia súc, gia cầm	ADE-BCOMPLEX-C	VL. CT- 02/07	
2332	Thức ăn bổ sung Vitamin, khoáng, acid amin cho heo nái	SOW-CARE	VL. CT- 02/06	
2333	Thứ ăn bổ sung Vitamin E, C, sorbitol, acid amin cho gia súc, gia cầm	VL-CMIN	VL. CT- 03/07	
2334	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	GASTRO-ZYME	VL. CT- 03/06	
2335	Thức ăn bổ sung vitamin C và điện giải cho gia súc, gia cầm	ELECTRO-LYTE	VL. CT- 04/07	
2336	Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	VITAMET	VL. CT- 04/06	
2337	Thức ăn bổ sung Vitamin C20% cho gia súc, gia cầm	VITA C200	VL. CT- 05/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2338	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa và men vi sinh cho gia súc, gia cầm	LACTOLUS	VL. CT- 05/06	
2339	Thức ăn bổ sung Vitamin A, D, E và ampicilline, colitine cho gia súc, gia cầm	AMCOVIT	VL. CT- 06/07	
2340	Thức ăn bổ sung Vitamin, acid amin, enzyme, men vi sinh cho gia súc, gia cầm	STOCK-PIG	VL. CT- 07/06	
2341	Thức ăn bổ sung Vitamin A, D, E, sulfadimethoxine và trime-thoprime cho gia súc, gia cầm	VL-SULTRIMIX	VL. CT- 07/07	
2342	Thức ăn bổ sung vitamin, canxi, phospho cho gia súc, gia cầm	CANXI-VIT	VL. CT- 08/06	
2343	Thức ăn bổ sung betaglucan, sorbitol và men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	SORZYME	VL. CT- 08/07	
2344	Thức ăn bổ sung Vitamin B_1, B_6, C và anagin cho gia súc, gia cầm	ANAGIN- C	VL. CT- 09/06	
2345	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, C và tylosine cho gia cầm	TYLO- VIT	VL. CT- 09/07	
2346	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho heo nái, heo con	AMYLAC	VL. CT- 10/06	
2347	Thức ăn bổ sung Vitamin nhóm B, sulfadiazine cho gia súc, gia cầm	OFAVIT	VL. CT- 11/06	
2348	Thức ăn bổ sung Vitamin A, D, E, vitamin nhóm B và Oxytetra cho gia cầm	TETRA VIT	VL. CT- 11/07	
2349	Thức ăn bổ sung vitamin, men tiêu hóa, men vi sinh cho gia súc, gia cầm	GROWZYME	VL. CT- 13/06	
2350	Thức ăn bổ sung Vitamin, khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho heo choai	Chống còi	VL. CT- 14/06	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2351	Thức ăn bổ sung vitamin E, canxi, phospho cho gia súc, gia cầm	EMIX-100	VL. CT- 15/06	
2352	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin cho heo thịt	PREMIX Tăng trọng heo thịt	VL. CT- 16/06	
	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Vật tư & Thuốc Thú y (VEMEDIM) Địa chỉ: Số 07 đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ Điện thoại: 84-07103.820703. Fax: 84-07103738839			
2353	Premix, vitamin, khoáng, axit amin cho gia súc, gia cầm	Aminovit	01:2005/VMD	
2354	Dung dịch bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm	Vime-Senic EH	01:2008/VMD	
2355	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng và vi khuẩn hữu ích cho gia súc, gia cầm	Calphovit	02:2005/VMD	
2356	Premix vitamin cho gia súc, gia cầm	ADE B complex	02:2008/VMD	
2357	Premix khoáng dùng cho gia súc	Mineral TB	03:2005/VMD	
2358	Premix vitamin, axit amin khoáng cho gà đẻ	Embavit No.2-100	03:2008/VMD	
2359	Thức ăn bổ sung vitamin, enzyme tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	Prozyme new	04:2005/VMD	
2360	Bổ sung vitamin, axit amin dùng cho gia súc, gia cầm	Sorpherol (dd)	04:2008/VMD	
2361	Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, gia cầm	Vime-6 way	05:2005/VMD	
2362	Dung dich bổ sung vitamin và axit amin cho gia súc, gia cầm	Elacamin	05:2008/VMD	
2363	Premix vitamin dùng cho gia súc, gia cầm	Vimevit fort	06:2005/VMD	
2364	Dung dịch bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm	Elacamin plus	06:2008/VMD	
2365	Premix vitamin - axit amin dùng cho gia súc, gia cầm	Vimix plus	07:2005/VMD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2366	Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc gia cầm	Vitamin C Antistress	07:2008/VMD	
2367	Premix vitamin - khoáng - axit amin dùng cho gà đẻ trứng giống	Embavit No.3	08:2005/VMD	
2368	Premix bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	B complex C premix	08:2008/VMD	
2369	Premix - vitamin - khoáng - axit amin dùng cho heo nái	Embavit No.6	09:2005/VMD	
2370	Thức ăn bổ sung vitamin- axit amin cho gia súc, gia cầm	Goliver	09:2008/VMD	
2371	Premix vitamin - khoáng - axit amin dùng cho gia súc	Vemevit No.6-200	10:2005/VMD	
2372	Premix cung cấp vitamin và chất điện giải	Vitamin plus	10:2008/VMD	
2373	Premix vitamin - khoáng dùng cho heo vỗ béo	Embavit ®7	11:2005/VMD	
2374	Premix bổ sung chất điện giải và vitamin cho gia súc, gia cầm	Vimelyte concentrated	11:2008/VMD	
2375	Premix vitamin - khoáng dùng cho heo vỗ béo	Vemevit ®7-200	12:2005/VMD	
2376	Bổ sung Vitamin A, D_3 và E cho gia súc, gia cầm	Vit AD3E	12:2008/VMD	
2377	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm	PRO-MILK	13:2006/VMD	
2378	Premix vitamin bổ sung cho gia cầm	Terra Egg promoter	13:2008/VMD	
2379	Thức ăn đậm đặc cho heo nái, nái mang thai, nái nuôi con và heo con	Vimelac	14:2006/VMD	
2380	Premix vitamin bổ sung cho gia súc, gia cầm	Vimevit plus	14:2008/VMD	
2381	Thức ăn đậm đặc dùng cho nái nuôi con và heo con	Vime-Đạm sữa	15:2006/VMD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2382	Premix bổ sung vitamin và amino acid cho gia súc, gia cầm	VP-1000	15:2008/VMD	
2383	Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, gia cầm	Vime-Bacilac	16:2006/VMD	
2384	Premix bổ sung vitamin và amino acid cho gia súc, gia cầm	Vimelyte	16:2008/VMD	
2385	Premix vitamin và khoáng dùng cho gà đẻ, gà giống	Terra-Egg	17:2006/VMD	
2386	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho gia cầm	Anti-Gum	17:2008/VMD	
2387	Thức ăn bổ sung premix vitamin cho gia cầm	Super-egg	18:2008/VMD	
2388	Thức ăn bổ sung premix vitamin cho gia súc, gia cầm	B Complex C	19:2008/VMD	
2389	Premix bổ sung vitamin và vi khuẩn hữu ích cho gia súc, gia cầm	Olavit new	20:2008/VMD	
2390	Premix bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	Sorpherol	21:2008/VMD	
2391	Premix bổ sung vitamin C cho gia súc, gia cầm	Vitamin C-100	22:2008/VMD	
2392	Premix bổ sung vitamin và acid amin cho heo cai sữa và heo thịt	Vime-Amino Heo cai sữa - heo thịt	23:2008/VMD	
2393	Premix bổ sung vitamin và acid amin cho heo nái	Vime-Amino Heo nái	24:2008/VMD	
2394	Premix bổ sung vitamin và acid amin cho gà, vịt, ngan	Vime-Amino Gà - vịt - ngan	25:2008/VMD	
2395	Dung dịch bổ sung khoáng cho gia súc, gia cầm	CAN-XI - PHOS	26:2008/VMD	
2396	Thức ăn đậm đặc dùng cho gia súc, gia cầm	Vimemilk	27:2008/VMD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Công ty Thức ăn chăn nuôi Liên doanh Việt Trung Địa chỉ: Đội 19, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên Tel: 02303832125. Fax: 03203832089			
2397	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	KN888, KN889, KN808, KN800, VT968	VTĐB01-05	
2398	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 7 ngày tuổi đến 15kg	KN551	VTĐB01-06	
2399	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15kg đến 30kg	KN552	VTĐB01-06	
2400	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng	KN560	VTĐB01-06	
2401	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	B999	VTĐB01-09	
2402	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng	B668	VTĐB01-11	
2403	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan	KN616, KN610KN600	VTĐB02-05	
2404	Thức ăn cho gà	KN811, KN510, KN513	VTĐB02-06	
2405	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	B1000	VTĐB02-09	
2406	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 7 ngày tuổi đến 15kg	B34	VTĐB03-09	
2407	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng	B38	VTĐB04-09	
2408	Thức ăn cho gà	B16	VTĐB05-09	
2409	Thức ăn cho gà	B12	VTĐB06-09	
2410	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan	B21	VTĐB07-09	
2411	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	BM99	VTĐB08-09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2412	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	BM100	VTĐB09-09	
2413	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	B52	VTĐB10-09	
	Công ty CP Sản xuất - Thương mại AHH Địa chỉ: Lô I2 + I3, KCN Định Quán, huyện Định Quán, Đồng Nai Tel: 0613633443; Fax: 0613632966			
2414	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng trứng 0 - 8 tuần	7110, 7210	AHH ĐN 01/08	924/SNN-CB
2415	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng trứng từ 8 tuần - đẻ trứng	7120, 7220	AHH ĐN 02/08	924/SNN-CB
2416	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng trứng - đẻ trứng	7130, 7230	AHH ĐN 03/08	924/SNN-CB
2417	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng thịt từ 0 - 8 tuần	7111, 7211	AHH ĐN 04/08	924/SNN-CB
2418	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng thịt từ 8 tuần - đẻ trứng	7121, 7122	AHH ĐN 05/08	924/SNN-CB
2419	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng thịt trong thời gian sinh sản	7131, 7231	AHH ĐN 06/08	924/SNN-CB
2420	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan hướng thịt từ 0 - 4 tuần	7112, 7212	AHH ĐN 07/08	924/SNN-CB
2421	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan hướng thịt từ 4 tuần - xuất chuồng	7122, 7222	AHH ĐN 08/08	924/SNN-CB
2422	Thức ăn hỗn hợp heo: 7 - 15 kg, hỗn hợp dạng bột, viên	9110, 9210	TC AHH 9110-07	836/SNN-PTNT-NN
2423	Thức ăn hỗn hợp heo: 15 - 30 kg, hỗn hợp dạng bột, viên	9120, 9220	TC AHH 9120-06	3984/2006/CBTC-TĐC
2424	Thức ăn hỗn hợp heo: 30 - 60 kg hỗn hợp dạng bột, viên	9130, 9230	TC AHH 9130-06	4008/2006/CBTC-TĐC
2425	Thức ăn hỗn hợp heo: 60 - xuất chuồng hỗn hợp dạng bột	9140, 9240	TC AHH 9140-06	4010/2006/CBTC-TĐC

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2426	Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con - hỗn hợp dạng bột, viên	9150, 9250	TC AHH 9150-07	836/SNN-PTNT-NN
2427	Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con - hỗn hợp dạng bột, viên	9160, 9260	TC AHH 9160-07	836/SNN-PTNT-NN
2428	Thức ăn đậm đặc heo từ tập ăn tới xuất chuồng	9301	TC AHH 9301-06	4093/2006/CBTC-TĐC
2429	Thức ăn đậm đặc heo từ tập ăn tới xuất chuồng	9302	TC AHH 9302-06	4095/2006/CBTC-TĐC
2430	Thức ăn đậm đặc heo từ tập ăn tới xuất chuồng	9303	TC AHH 9303-06	4094/2006/CBTC-TĐC
	Công ty TNHH Dinh Dưỡng Á Châu (VN) Địa chỉ: KCN Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai Tel: 0613.869111; Fax: 0613.869110			
2431	Thức ăn hỗn hợp dạng bột viên cho heo sữa từ 7 ngày - 8kg	800, V800, 100, V100, 880, V880	ANT ĐN 001/08	
2432	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo sữa từ 7 ngày - 8kg	800N, 100N, 880N	ANT ĐN 002/08	
2433	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo con từ 7 ngày - 15kg	801, 801V, 101, 101V, 881, 881V	ANT ĐN 003/08	
2434	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 15 kg - 30 kg	802, 802V, 102, 102V, 882, 882V	ANT ĐN 004/08	
2435	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15 kg - 30 kg	802S, 102S	ANT ĐN 005/08	
2436	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 30kg - 60kg	803, 803V, 103, 103V, 883, 883V	ANT ĐN 006/08	
2437	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 60kg - xuất chuồng	804, 804V, 104, 104V, 884, 884V	ANT ĐN 007/08	
2438	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo nái chửa	855, 855V, 105, 105V, 885, 885V	ANT ĐN 008/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2439	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo nái nuôi con	866, 866V, 106, 106V, 886, 886V, 876, 876V	ANT ĐN 009/08	
2440	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo lai từ 15kg - 30kg	82L, 82LV, 102L, 102LV	ANT ĐN 010/08	
2441	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo lai từ 30kg - 60kg	83L, 83LV, 103L, 103LV	ANT ĐN 011/08	
2442	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo lai từ 60kg - xuất chuồng	84L, 84LV, 104L, 104LV	ANT ĐN 012/08	
2443	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	8000, 8888, 8238, 8800	ANT ĐN 013/08	
2444	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg - xuất chuồng	8000S	ANT ĐN 014/08	
2445	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn - xuất chuồng	8244, 8844, 122, 8900	ANT ĐN 015/08	
2446	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái sinh sản	9000, 166, 8860	ANT ĐN 016/08	
2447	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên tạo nạc dùng cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	833, 833V, 133, 133V, 873, 873V, 888V	ANT ĐN 017/08	
2448	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn - xuất chuồng	8246, 8846, 123, 8990	ANT ĐN 018/08	
2449	Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, hạt cho heo choai từ 15 - 50kg	B1500/H1500	ANT ĐN 019/08	
2450	Thức ăn đậm đặc siêu nạc dạng bột, hạt cho heo thịt từ 50kg - xuất chuồng	B1550/H1550	ANT ĐN 020/08	
2451	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dạng viên cho heo con sau cai sữa - 15kg	V81A	ANT ĐN 021/08	
2452	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30kg - 60kg	803S, 103S, 883S	ANT ĐN 022/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2453	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo nái chửa	V85A, B85A, B15A, V15A, 875, 875V	ANT ĐN 023/08	
2454	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái chửa	155, 8850	ANT ĐN 024/08	
2455	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 60 - xuất chuồng	874, 874V	ANT ĐN 025/08	
2456	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 15 - 30kg	872, 872V	ANT ĐN 026/08	
2457	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà thịt từ 01 - 21 ngày	6230, 6230H, 201, 201V, 210H	ANT ĐN 027/08	
2458	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà thịt từ 22 - 42 ngày	6320, 6320V, 202, 202V, 202H,220V, 220H	ANT ĐN 028/08	
2459	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 43 ngày - xuất chuồng	6420, 203V, 230V	ANT ĐN 029/08	
2460	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà tam hoàng từ 01 - 42 ngày	6270, 6270H, 211A, 270	ANT ĐN 030/08	
2461	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà tam hoàng từ 29 - 49 ngày	6370, 6370H	ANT ĐN 031/08	
2462	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà tam hoàng từ 43 ngày - xuất chuồng	6470, 212, 370	ANT ĐN 032/08	
2463	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà ta, gà tàu giai đoạn vỗ béo	6480, 213, 470	ANT ĐN 033/08	
2464	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà tam hoàng - gà ta từ 01-42 ngày	6270, 6270L, 6270H	ANT ĐN 034/08	
2465	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà tam hoàng, gà ta từ 43 ngày - xuất chuồng	6370L, V210A	ANT ĐN 035/08	
2466	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 21 ngày - xuất chuồng	6000	ANT ĐN 036/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2467	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày - xuất chuồng	6000L, 222	ANT ĐN 037/08	
2468	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 01 ngày - 8 tuần	3210, 301, 310	ANT ĐN 038/08	
2469	Thức ăn đậm đặc dạng bột, hạt cho gà đẻ từ 9 - 17 tuần	3300, 3300H, 322	ANT ĐN 039/08	
2470	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 9 - 17 tuần	3310, 302, 320	ANT ĐN 040/08	
2471	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 17 - 21 tuần	3410, 304	ANT ĐN 041/08	
2472	Thức ăn đậm đặc bột cho gà đẻ từ 18 tuần - đào thải	3500	ANT ĐN 042/08	
2473	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 18 tuần - đào thải	3510, 3610	ANT ĐN 043/08	
2474	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ trong môi trường nóng bức từ 18 tuần - đào thải	3910, 305, 330	ANT ĐN 044/08	
2475	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ từ 18 tuần - đào thải	3900, 333, 3000	ANT ĐN 045/08	
2476	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà bắt đầu đẻ - đào thải	H355	ANT ĐN 046/08	
2477	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho vịt từ 1 ngày - 21 ngày	5220, 5220H	ANT ĐN 047/08	
2478	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho vịt từ 22 ngày - xuất chuồng	5320, 503V, 450, 450V	ANT ĐN 048/08	
2479	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 01 ngày tuổi trở lên	5320V	ANT ĐN 049/08	
2480	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 41 ngày - xuất chuồng	5420, 503, 452	ANT ĐN 050/08	
2481	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt chạy đồng vỗ béo	5420L, 515, 453	ANT ĐN 051/08	
2482	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm giai đoạn đẻ trứng	5520	ANT ĐN 052/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2483	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ	5590	ANT ĐN 053/08	
2484	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt bố mẹ giống từ 20 tuần - đào thải	5620, 506	ANT ĐN 054/08	
2485	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt bố mẹ giống 22 tuần - đào thải	5620S	ANT ĐN 055/08	
2486	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ giai đoạn đẻ trứng	5720, 504, 454	ANT ĐN 056/08	
2487	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm	5820, 508	ANT ĐN 057/08	
2488	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm	5820S, 509, 456	ANT ĐN 058/08	
2489	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt bố mẹ giống từ 20 tuần - đào thải	5628, 505, 455	ANT ĐN 059/08	
2490	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho cút đẻ giai đoạn đẻ trứng	3890	ANT ĐN 060/08	
2491	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút giống giai đoạn đẻ trứng	3860	ANT ĐN 061/08	
2492	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 01 - 40 ngày	3710, 701, 511	ANT ĐN 062/08	
2493	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ giai đoạn đẻ trứng	3810, 702, 510	ANT ĐN 063/08	
	Công ty TNHH Cargill Việt Nam **(Công bố áp dụng cho tất cả các nhà máy của Cargill tại miền Nam)** Địa chỉ: Lô 29, KCN Biên Hòa 2, Đồng Nai Tel: 0613.836525; Fax: 0613.835099/836520			
2494	Sữa bột cao cấp cho heo con - cho heo trên 3 ngày tuổi	1010, 1010-A	1010:2011/CAR	
2495	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 7 ngày tuổi đến 8kg (hoặc sau cai sữa 2 tuần)	1012, 1012-A	1012:2011/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2496	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo con - từ 8kg đến 15kg (hoặc sau cai sữa 2 tuần đến 45 ngày)	1020, 1020-A	1020:2011/CAR	
2497	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 8kg đến 15kg (hoặc sau cai sữa 2 tuần đến 45 ngày)	1022, 1022-A	1022:2011/CAR	
2498	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo - từ 15 kg đến 30kg hoặc từ 45 đến 70 ngày tuổi	1030, 1030-A	1030:2011/CAR	
2499	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo - từ 15 kg đến 30kg hoặc từ 45 đến 70 ngày tuổi	1032, 1032-A	1032:2011/CAR	
2500	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chửa	1040, 1040-A, 1040-PF	1040:2009/CAR	
2501	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chửa	1042, 1042-A, 1042-PF	1042:2009/CAR	
2502	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chửa	1042-KS	1042-KS:2011/CAR	
2503	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	1050, 1050-A	1050:2011/CAR	
2504	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	1052, 1052-A	1052:2011/CAR	
2505	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo con - từ 20kg đến 40kg	1100, 1100-A	1100:2011/CAR	
2506	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 20kg đến 40kg	1102, 1102-A	1102:2011/CAR	
2507	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 20kg đến 40kg	1102-KS	1102-KS:2011/CAR	
2508	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 15kg đến 30kg	1102-S, 1102-AS	1102-S:2011/CAR	
2509	Thức ăn hỗn hợp bột cho heo thịt - từ 40kg đến 70kg	1200, 1200-A, 1200-PF	1200:2011/CAR	
2510	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 40kg đến 70kg	1202, 1202-A, 1202-PF	1202:2011/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2511	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 30kg đến xuất chuồng	1202-S, 1202-AS	1202-S:2011/CAR	
2512	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 30kg đến 7 ngày trước khi xuất chuồng	1202-SM	1202-SM:2011/CAR	
2513	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt - từ 70kg đến xuất chuồng	1300, 1300-A	1300:2009/CAR	
2514	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 70kg đến xuất chuồng	1302, 1302-A	1302:2009/CAR	
2515	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 70 kg đến xuất chuồng	1302-S, 1302-AS	1302-S:2011/CAR	
2516	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 15kg đến 30kg	1412, 1412-A	1412:2009/CAR	
2517	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 30kg đến 60kg	1422, 1422-A	1422:2009/CAR	
2518	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 20kg đến 40kg	1422-α, 1422a- α	1422-α:2009/CAR	
2519	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 40kg đến xuất chuồng	1432- α, 1432a- α	1432-α:2009/CAR	
2520	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 60kg - xuất chuồng	1432, 1432-A	1432:2009/CAR	
2521	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chửa (cho ăn theo nhu cầu)	1440, 1440-A	1440:2009/CAR	
2522	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chửa (cho ăn theo nhu cầu)	1442, 1442-A	1442:2009/CAR	
2523	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt - từ 20kg đến xuất chuồng	1600, 1600-A	1600:2009/CAR	
2524	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt - từ 20kg đến xuất chuồng	1600-S, 1600-AS	1600-S:2009/CAR	
2525	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt - từ 20kg đến xuất chuồng	1610, 1610-A	1610:2009/CAR	
2526	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc - từ 20kg đến xuất chuồng	1630, 1630-A	1630:2009/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2527	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt - từ 10kg đến xuất chuồng	1650, 1650-A, 1650-S, 1650-AS	1650:2009/CAR	
2528	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt - từ 10kg đến xuất chuồng	1680, 1680-A	1680:2009/CAR	
2529	Thức ăn đậm đặc cho heo nái chửa	1700, 1700-A	1700:2009/CAR	
2530	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	1800, 1800-A	1800:2009/CAR	
2531	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho heo con tập ăn - dùng cho heo từ 7 - 35 ngày tuổi	1912	1912:2011/CAR	
2532	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho heo con - từ 8kg đến 15kg	1922-HE, 1922-A	1922-HE:2011/CAR	
2533	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho heo con - từ 8kg đến 15kg	1922-MP	1922-MP:2011/CAR	
2534	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 1 đến 14 ngày tuổi	2101, 2101-A, 2101-LH	2101:2011/CAR	
2535	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 1 đến 21 ngày tuổi	2101-BD	2101-BD:2010/CAR	
2536	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - từ 1 đến 21 ngày tuổi	2111, 2111-A	2111:2011/CAR	
2537	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 15 đến 28 ngày tuổi	2201, 2201-A, 2201-LH	2201:2011/CAR	
2538	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 15 đến 28 ngày tuổi	2202, 2202-A, 2202-LH	2202:2011/CAR	
2539	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 22 đến 42 ngày tuổi	2202-BD	2202-BD:2010/CAR	
2540	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - từ 22 đến 42 ngày tuổi	2211, 2211-A	2211:2011/CAR	
2541	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - từ 22 đến 42 ngày tuổi	2212, 2212-A	2212:2011/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2542	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 29 đến 42 ngày tuổi	2302, 2302-A, 2302LH	2302:2011/CAR	
2543	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 43 ngày tuổi đến xuất chuồng	2302-BD	2302-BD:2010/CAR	
2544	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - từ 43 ngày đến 2 tuần trước khi xuất chuồng	2312, 2312-A	2312:2011/CAR	
2545	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - trên 42 ngày tuổi đến xuất chuồng	2402, 2402-A	2402:2009/CAR	
2546	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 3 đến 6 tuần tuổi	2411, 2411-A	2411:2009/CAR	
2547	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - 2 tuần trước khi xuất chuồng	2412, 2412-A	2412:2010/CAR	
2548	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 6 đến 19 tuần tuổi	2421, 2421-A	2421:2009/CAR	
2549	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 6 đến 19 tuần tuổi	2422, 2422-A	2422:2009/CAR	
2550	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 20 đến 24 tuần tuổi	2432, 2432-A	2432:2009/CAR	
2551	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 25 đến 45 tuần tuổi	2511, 2511-A	2511:2011/CAR	
2552	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 25 đến 45 tuần tuổi	2512, 2512-A	2512:2011/CAR	
2553	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 46 đến 67 tuần tuổi	2522, 2522-A	2522:2011/CAR	
2554	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt - từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng	2600, 2600-A	2600:2009/CAR	
2555	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 1 ngày - 6 tuần tuổi	3100, 3100-A	3100:2011/CAR	
2556	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 1 ngày - 6 tuần tuổi	3101, 3101-A	3101:2011/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2557	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 7 - 18 tuần tuổi	3200, 3200-A	3200:2011/CAR	
2558	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 7 - 18 tuần tuổi	3201, 3201-A	3201:2011/CAR	
2559	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 7 - 18 tuần tuổi	3201, 3201-A	3202:2011/CAR	
2560	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3400, 3400-A	3400:2009/CAR	
2561	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3401, 3401-A, 3401-S, 3401-AS	3401:2009/CAR	
2562	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3402, 3402-A	3402:2009/CAR	
2563	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3500, 3500-A	3500:2009/CAR	
2564	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3501, 3501-A	3501:2009/CAR	
2565	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ hậu bị - từ 1 - 18 tuần tuổi	3610, 3610-A	3610:2009/CAR	
2566	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ - từ 18 tuần tuổi trở lên	3620, 3620-A	3620:2009/CAR	
2567	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con - từ 1 - 21 ngày tuổi	4102, 4102-A	4102:2009/CAR	
2568	Thức ăn hỗn hợp cho ngan và vịt con - từ 1 - 21 ngày tuổi	4112, 4112-A	4112:2010/CAR	
2569	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con - từ 1 - 21 ngày tuổi	4152, 4152-A	4152:2009/CAR	
2570	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt - từ 22 - 42 ngày tuổi	4202, 4202-A	4202:2009/CAR	
2571	Thức ăn hỗn hợp cho ngan và vịt - từ 22 ngày tuổi - xuất chuồng	4212, 4212-A	4212:2010/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2572	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt - từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	4302, 4302-A	4302:2009/CAR	
2573	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ - từ 18 tuần tuổi trở lên	4442, 4442-A	4442:2009/CAR	
2574	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ - từ 18 tuần tuổi trở lên	4442-S, 4442-AS	4442-S:2009/CAR	
2575	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ - từ 20 tuần tuổi trở lên	4452, 4452-A	4452:2009/CAR	
2576	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng giống - từ 18 tuần tuổi trở lên	4462, 4462-A	4462:2009/CAR	
2577	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta và gà lông màu - từ 1 - 42 ngày tuổi	5101, 5101-A	5101:2011/CAR	
2578	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta và gà lông màu - từ 1 ngày tuổi trở lên	5112, 5112-A	5112:2009/CAR	
2579	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta và gà lông màu - trên 42 ngày tuổi đến 2 tuần trước khi xuất chuồng	5202, 5202-A	5202:2011/CAR	
2580	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta và gà lông màu - 2 tuần trước khi xuất chuồng	5302, 5302-A	5203:2009/CAR	
2581	Thức ăn hỗn hợp cho cút con - từ 1 - 35 ngày tuổi	5400, 5400-A	5400:2009/CAR	
2582	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ - từ 35 ngày tuổi trở lên	5500, 5500-A	5500:2009/CAR	
2583	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi trở lên	5500-BR	5500-BR:2011/CAR	
2584	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo con - từ 8kg hoặc 30 ngày tuổi đến 15kg	8002, 8002-A	8002:2011/CAR	
2585	Thức ăn hỗn hợp cao cấp đặc biệt cho heo nái mang thai	8042, 8042-A	8042:2009/CAR	
2586	Thức ăn hỗn hợp cao cấp đặc biệt cho heo nái nuôi con	8052, 8052-A	8052:2009/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2587	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo - từ 15 kg hoặc 45 ngày tuổi đến 30kg	8100, 8100-A	8100:2011/CAR	
2588	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo - từ 15 kg hoặc 45 ngày tuổi đến 30kg	8102, 8102-A	8102:2011/CAR	
2589	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo - từ 30kg đến 60kg	8202, 8202-A	8202:2011/CAR	
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam **(Công bố áp dụng cho tất cả các nhà máy của C.P Việt Nam tại miền Nam)** Địa chỉ: Lô 39, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Đồng Nai Tel: 0613.836251-8. Fax: 0613.836086/(728)			
2590	Gà thịt (21 ngày tuổi - 7 ngày trước khi xuất chuồng)	311B, 511B, 811B, 911B, GT 02B, GT 12B, 9411B, 9611B, 8411B, 8611B	01:2010/CP	
2591	Gà thịt (1 ngày - 21 ngày tuổi)	310M, 510M, 810M, 910M, GT 01M, GT 11M, 9410M, 9610M, 8410M, 8610M	01:2011/CP	
2592	Vịt thịt (1 ngày - 21 ngày tuổi)	548, 948, VT 11, 9648, 8648	02:2010/CP	
2593	Gà đẻ (18 tuần tuổi - loại)	324M, 524M, 824M, 924M, GĐ 03M, GĐ 13M, 9424M, 9624M, 8424M, 8624M	02:2011/CP	
2594	Vịt đẻ (1 ngày - 21 ngày tuổi)	541, 941, VĐ 11, 9641, 8641	03:2010/CP	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2595	Vịt đẻ (42 ngày tuổi - bắt đầu đẻ)	542P, 942P, VĐ 12P, 9642P, 8642P	03:2011/CP	
2596	Vịt đẻ (21 ngày tuổi - bắt đầu đẻ)	542, 942, VĐ 12, 9642, 8642	04:2010/CP	
2597	Bê con (mới sinh đến 6 tháng tuổi)	371, 571, 871, 971	05:2010/CP	
2598	Heo thịt (15 kg - 30 kg thể trọng) Heo thịt siêu nạc (50 kg - 80 kg thể trọng)	352, 552, 852, 952, HT 02, HT 12, 9452, 9652, 8452, 8652	10:2009/CP	
2599	Heo sữa (5 ngày tuổi - 12 kg thể trọng)	350S, 550S, 850S, 950S, HS 01, HS 11, 9450S, 9650S, 8450S, 8650S	CP ĐN 01/08	
2600	Bò vỗ béo	395, 595, 895, 995	CP ĐN 01/09	
2601	Heo con tập ăn (7 ngày tuổi - 30 kg thể trọng)	351, 551, 851, 951, HT 01, HT 11, 9451, 9651, 8451, 8651,	CP ĐN 02/08	
2602	Heo con tập ăn (7 ngày tuổi - 15 kg thể trọng)	351GP, 551GP, 851GP, 951GP, HT 01GP, HT 11GP, 9451GP, 9651GP, 8451GP, 8651GP	CP ĐN 02/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2603	Heo con tập ăn (7 ngày tuổi - 30 kg thể trọng)	351X26, 551X26, 851X26, 951X26, HT 01X26, HT 11X26, 9451X26, 9651X26, 8451X26, 8651X26	CP ĐN 03/08	
2604	Gà đẻ thương phẩm	324A, 524A, 824A, 924A, GĐ 03A, GĐ 13A, 9424A, 9624A, 8424A, 8624A	CP ĐN 03/09	
2605	Gà đẻ (1 ngày - 19 tuần tuổi)	121, 721, GĐ 21, 9221, 8221	CP ĐN 04/09	
2606	Heo thịt (30 kg - 50 kg thể trọng)	352S, 552S, 852S, 952S, HT 02S, HT 12S, 9452S, 9652S, 8452S, 8652S	CP ĐN 05/08	
2607	Gà thịt (15 ngày - 21 ngày tuổi)	311A, 511A, 811A, 911A, GT 02A, GT 12A, 9411A, 9611A, 8411A, 8611A	CP ĐN 05/09	
2608	Heo thịt (30 kg - 60 kg thể trọng) Heo thịt siêu nạc (80 kg thể trọng - xuất chuồng)	353, 553, 853, 953, HT 03, HT 13, 9453, 9653, 8453, 8653	CP ĐN 06/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2609	Heo thịt (80 kg thể trọng - xuất chuồng)	353S, 553S, 853S, 953S, HT 03S, HT 13S, 9453S, 9653S, 8453S, 8653S	CP ĐN 07/08	
2610	Heo thịt (60 kg thể trọng - xuất chuồng)	354, 554, 854, 954, HT 04, HT 14, 9454, 9654, 8454, 8654	CP ĐN 08/08	
2611	Heo giống (40 kg - 110 kg thể trọng)	362, 562, 862, 962, HG02, HG12, 9462, 9662, 8462, 8662	CP ĐN 09/08	
2612	Heo cái hậu bị (100 kg - 2 tuần trước khi phối giống)	362P, 562P, 862P, 962P, HG 02P, HG 12P, 9462P, 9662P, 8462P, 8662P	CP ĐN 10/08	
2613	Heo nọc (3 tuần trước khi khai thác - loại thải)	368, 568, 868, 968, HG 08, HG 18, 9468, 9668, 8468, 8668	CP ĐN 11/08	
2614	Heo nái chửa (sau phối giống - 2 tuần trước khi đẻ)	366, 566, 866, 966, HG 06, HG 16, 9466, 9666, 8466, 8666	CP ĐN 12/08	
2615	Heo nái nuôi con (2 tuần trước khi đẻ - cai sữa)	367, 567, 867, 967, HG 07, HG 17, 9467, 9667, 8467, 8667	CP ĐN 13/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2616	Heo nái nuôi con giống tốt (2 tuần trước khi đẻ - phối giống)	367S, 567S, 867S, 967S, HG 07S, HG 17S, 9467S, 9667S, 8467S, 8667S	CP ĐN 14/08	
2617	Heo (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	150, 750, HT 20, 9250, 8250	CP ĐN 15/08	
2618	Heo (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	150S, 750S, HT 20S, 9250S, 8250S	CP ĐN 16/08	
2619	Heo (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	150X, 750X, HT 20X, 9250X, 8250X	CP ĐN 17/08	
2620	Heo (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	151, 751, HT 21, 9251, 8251	CP ĐN 18/08	
2621	Heo (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	151S, 751S, HT 21S, 9251S, 8251S	CP ĐN 19/08	
2622	Heo nái chửa	156, 756, HG 26, 9256, 8256	CP ĐN 20/08	
2623	Heo nái nuôi con	157, 757, HG 27, 9257, 8257	CP ĐN 21/08	
2624	Heo nái chửa và nái nuôi con	157M, 757M, HG 27M, 9257M, 8257M	CP ĐN 22/08	
2625	Heo nái chửa và nái nuôi con	157S, 757S, HG 27S, 9257S, 8257S	CP ĐN 23/08	
2626	Heo con (15 kg - 30 kg thể trọng)	352L, 552L, 852L, 952L,	CP ĐN 24/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
		HL 02, HL 12, 9452A, 9652A, 9452L, 9652L, 8452A, 8652A, 8452L, 8652L		
2627	Heo thịt (30 kg - 60 kg thể trọng)	353L, 553L, 853L, 953L, HL 03, HL 13, 9453A, 9653A, 9453L, 9653L, 8453A, 8653A, 8453L, 8653L	CP ĐN 25/08	
2628	Heo thịt (60 kg thể trọng - xuất chuồng)	354L, 554L, 854L, 954L, HL 04, HL 14, 9454A, 9654A, 9454L, 9654L, 8454A, 8654A, 8454L, 8654L	CP ĐN 26/08	
2629	Heo nái chửa (sau phối giống - đẻ)	366L, 566L, 866L, 966L, HG 06L, HG 16L, 9466A, 9666A, 9466L, 9666L, 8466A, 8666A, 8466L, 8666L	CP ĐN 27/08	
2630	Heo nái nuôi con	367L, 567L, 867L, 967L, HG 07L, HG 17L, 9467A, 9667A, 9467L, 9667L, 8467A, 8667A; 8467L, 8667L	CP ĐN 28/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2631	Gà thịt (1 ngày - 21 ngày tuổi)	310, 510, 810, 910, GT 01, GT 11, 9410, 9610, 8410, 8610	CP ĐN 29/08	
2632	Gà thịt (21 ngày tuổi - 7 ngày trước khi xuất chuồng)	311, 511, 811, 911, GT 02, GT 12, 9411, 9611, 8411, 8611	CP ĐN 30/08	
2633	Gà thịt (21 ngày tuổi - 7 ngày trước khi xuất chuồng)	311C, 511C, 811C, 911C, GT 02C, GT 12C, 9411C, 9611C, 8411C, 8611C	CP ĐN 31/08	
2634	Gà thịt (7 ngày trước khi xuất chuồng)	313, 513, 813, 913, GT 03, GT 13, 9413, 9613, 8413, 8613	CP ĐN 32/08	
2635	Gà ta (1 ngày - 4 tuần tuổi)	510L, 910L, GT 11L, 9610L, 8610L	CP ĐN 33/08	
2636	Gà ta (4 tuần tuổi - xuất chuồng)	511L, 911L, GT 12L, 9611L, 8611L	CP ĐN 34/08	
2637	Gà ta vỗ béo (1 tuần trước khi xuất chuồng)	513L, 913L, GT 13L, 9613L, 8613L	CP ĐN 35/08	
2638	Gà ta (1 ngày tuổi - xuất chuồng)	6514, 8914, Gà ta 123, 9614, 8614	CP ĐN 36/08	
2639	Gà thịt (21 ngày tuổi - xuất chuồng)	114, 714, GT 24, 9214, 8214	CP ĐN 37/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2640	Gà bố mẹ giống thịt (1 ngày - 4 tuần tuổi)	331, 531, 831, 931, GG 01, GG 11, 9431, 9631, 8431, 8631	CP ĐN 38/08	
2641	Gà bố mẹ giống thịt (5 tuần - 22 tuần tuổi)	332, 532, 832, 932, GG 02, GG 12, 9432, 9632, 8432, 8632	CP ĐN 39/08	
2642	Gà bố mẹ giống thịt (18 tuần - 23 tuần tuổi)	332NP, 532NP, 832NP, 932NP, GG 02NP, GG 12NP, 9432NP, 9632NP, 8432NP, 8632NP	CP ĐN 40/08	
2643	Gà bố mẹ giống thịt (23 tuần tuổi - loại)	334, 534, 834, 934, GG 04, GG 14, 9434, 9634, 8434, 8634	CP ĐN 41/08	
2644	Gà trống bố mẹ giống thịt (23 tuần tuổi - loại)	335, 535, 835, 935, GG 05, GG 15, 9435, 9635, 8435, 8635	CP ĐN 42/08	
2645	Gà đẻ (1 ngày - 8 tuần tuổi)	321, 521, 821, 921, GĐ 01, GĐ 11, 9421, 9621, 8421, 8621	CP ĐN 43/08	
2646	Gà đẻ (9 tuần - 18 tuần tuổi)	322, 522, 822, 922, GĐ 02, GĐ 12, 9422, 9622, 8422, 8622	CP ĐN 44/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2647	Gà đẻ (18 tuần tuổi - loại)	324, 524, 824, 924, GĐ 03, GĐ 13, 9424, 9624, 8424, 8624	CP ĐN 45/08	
2648	Gà đẻ (45 tuần tuổi - loại)	325, 525, 825, 925, GĐ 04, GĐ 14, 9425, 9625, 8425, 8625	CP ĐN 46/08	
2649	Gà đẻ (9 tuần - 18 tuần tuổi)	122, 722, GĐ 22, 9222, 8222	CP ĐN 47/08	
2650	Gà đẻ (19 tuần tuổi - loại)	124, 724, GĐ 24, 9224, 8224	CP ĐN 48/08	
2651	Gà đẻ (19 tuần tuổi - loại)	126, 726, GĐ 26, 9226, 8226	CP ĐN 49/08	
2652	Vịt giống bố mẹ siêu thịt (20 tuần tuổi - loại)	543, 943, VG 13, 9643, 8643	CP ĐN 50/08	
2653	Vịt đẻ (20 tuần tuổi - loại)	544, 944, VĐ 14, 9644, 8644	CP ĐN 51/08	
2654	Vịt đẻ (20 tuần tuổi - loại)	545, 945, VĐ 15, 9645, 8645	CP ĐN 52/08	
2655	Vịt thịt (1 ngày - 21 ngày tuổi)	548, 948, VT 11, 9648, 8648	CP ĐN 53/08	
2656	Vịt thịt (21 ngày - 42 ngày tuổi)	549, 949, VT 12, 9649, 8649	CP ĐN 54/08	
2657	Vịt thịt (43 ngày tuổi - xuất bán)	540, 940, VT 13, 9640, 8640	CP ĐN 55/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2658	Vịt thịt vỗ béo (21 ngày tuổi - xuất bán)	549B, 949B, VT 13B, 9649B, 8649B	CP ĐN 56/08	
2659	Vịt chạy đồng (1 ngày - 21 ngày tuổi)	6548, 8948, VT 11L, 9648L, 8648L	CP ĐN 57/08	
2660	Vịt chạy đồng vỗ béo (21 ngày tuổi - xuất bán)	549L, 949L, VT 13L, 9649L, 8649L	CP ĐN 58/08	
2661	Chim cút hậu bị (1 ngày - 35 ngày tuổi)	301, 801, CĐ 01, 9401, 8401	CP ĐN 59/08	
2662	Chim cút đẻ	302, 802, CĐ 02, 9402, 8402	CP ĐN 60/08	
2663	Bò sữa cao sản (21 ngày trước khi đẻ - 3 tháng sau khi đẻ)	381, 581, 881, 981	CP ĐN 61/08	
2664	Bò sữa	384, 584, 884, 984	CP ĐN 62/08	
2665	Bò sữa (2 tháng trước khi cạn sữa)	385, 585, 885, 985	CP ĐN 63/08	
2666	Bò sữa (giai đoạn cạn sữa, 60 - 21 ngày trước khi đẻ)	386, 586, 886, 986	CP ĐN 64/08	
2667	Heo thịt (15 kg - 30 kg thể trọng)	352M, 552M, 852M, 952M, HT 02M, HT 12M, 9452M, 9652M, 8452M, 8652M	CP ĐN 67/08	
2668	Gà đẻ (19 tuần tuổi - loại)	125, 725, GĐ 25, 9225, 8225	CP ĐN 68/08	
2669	Bò sữa	385S, 585S, 885S, 985S	CP ĐN 69/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Công ty TNHH Đồng Nai Long Châu Địa chỉ: 40/10, KPhố 5, P.Tam Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: 0613825981; fax: 0613811677			
2670	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ tập ăn - xuất	Agistar A79-CPC	01:2009/LCĐN	
2671	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 7 kg	LC. Group A 10	02:2009/LCĐN	
2672	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo con từ 7kg - 15kg	LC. Group A 20	03:2009/LCĐN	
2673	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 15 - 30 kg	LC. Group A 30	04:2009/LCĐN	
2674	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 15 - 30 kg	Good Hope A 30	04:2009/LCĐN	
2675	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 30 - 60 kg	LC. Group A 40	05:2009/LCĐN	
2676	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 60kg - xuất chuồng	LC.Group A 50	06:2009/LCĐN	
2677	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 60kg - xuất chuồng	Good Hope A50	06:2009/LCĐN	
2678	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái chửa, nái hậu bị	LC. Group A 60	07:2009/LCĐN	
2679	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con	LC. Group A 70	08:2009/LCĐN	
2680	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 15 - 30 kg	LC. Group A 320	09:2009/LCĐN	
2681	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 15 - 30 kg	Good Hope A320	09:2009/LCĐN	
2682	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 30 - 60 kg	LC. Group A 420	10:2009/LCĐN	
2683	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 30 - 60 kg	Good Hope A420	10:2009/LCĐN	
2684	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 60kg - xuất chuồng	LC. Group A 520	11:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2685	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai nái chửa, nái hậu bị	LC. Group A 620	12:2009/LCĐN	
2686	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ tập ăn - xuất	LC. Group C20	13:2009/LCĐN	
2687	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo nái nuôi con	LC.Group C 70	14:2009/LCĐN	
2688	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ 5 - 100 kg	LC. Group C 80	15:2009/LCĐN	
2689	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ 5 - 100 kg	Good Hope C80	15:2009/LCĐN	
2690	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thả vườn từ 1 - 42 ngày	LC. Group G 31	16:2009/LCĐN	
2691	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thả vườn từ 42 ngày - xuất	LC. Group G 32	17:2009/LCĐN	
2692	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt - ngan đẻ từ 21 tuần tuổi	LC. Group V 31	18:2009/LCĐN	
2693	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ từ 21 tuần tuổi	Good Hope V 31	18:2009/LCĐN	
2694	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ bố mẹ	LC. Group V 32	19:2009/LCĐN	
2695	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ thương phẩm	ECO E100	19:2009/LCĐN	
2696	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt giống bố mẹ	LC. Group V 33	20:2009/LCĐN	
2697	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ bố mẹ	Agristar V32	20:2009/LCĐN	
2698	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt - ngan siêu thịt từ 1 - 21 ngày	LC. Group V 41	21:2009/LCĐN	
2699	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt con từ 1 - 28 ngày	Agristar V41	21:2009/LCĐN	
2700	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt - ngan siêu thịt từ 21 - 42 ngày	LC. Group V 42	22:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2701	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt thịt từ 21 - 42 ngày	Good Hope V 42	22:2009/LCĐN	
2702	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt thịt từ 42 ngày - xuất	LC. Group V 43	23:2009/LCĐN	
2703	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt thịt từ 42 ngày - xuất	Good Hope V 43	23:2009/LCĐN	
2704	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho bò sữa	Long Chau Group B100	24:2009/LCĐN	
2705	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho bò thịt, bê con, bò cạn sữa	Long Chau Group B200	25:2009/LCĐN	
2706	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho bò sữa	Việt Mỹ Bò sữa	26:2009/LCĐN	
2707	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho bò sữa	V-Pro 5000	26:2009/LCĐN	
2708	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho bò sữa	NewWay Bò Sữa	26:2009/LCĐN	
2709	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho bò sữa	Mê Kông Bò sữa	26:2009/LCĐN	
2710	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ chạy đồng	Speed Feed 9500	27:2009/LCĐN	
2711	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ chạy đồng	God Feed 3050	27:2009/LCĐN	
2712	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ chạy đồng	Prince Feed 6500	27:2009/LCĐN	
2713	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà lông màu từ 01 ngày - xuất	Long Châu 2041	28:2009/LCĐN	
2714	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà lông màu từ 01 ngày - xuất	NewWay Gà Lông Màu	28:2009/LCĐN	
2715	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà con từ 1 - 42 ngày tuổi	ECO E20	28:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2716	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt từ 1 - 21 ngày	Long Châu 3301	29:2009/LCĐN	
2717	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt từ 1 - 21 ngày	Việt Mỹ 3301	29:2009/LCĐN	
2718	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo tập ăn - xuất chuồng	Siêu TT 9999	30:2009/LCĐN	
2719	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo tập ăn - xuất chuồng	Long Châu Siêu TT 9999	30:2009/LCĐN	
2720	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	Long Châu D	31:2009/LCĐN	
2721	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	Mê Kông D	31:2009/LCĐN	
2722	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	Việt Mỹ D	31:2009/LCĐN	
2723	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	NEWWAY 605	31:2009/LCĐN	
2724	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	ECO E10	31:2009/LCĐN	
2725	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	Long Châu 6	32:2009/LCĐN	
2726	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	Mê Kông 6	32:2009/LCĐN	
2727	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	Việt Mỹ 6	32:2009/LCĐN	
2728	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	NEWWAY 606	32:2009/LCĐN	
2729	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	ECO E11	32:2009/LCĐN	
2730	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 60 kg - xuất	Long Châu 7	33:2009/LCĐN	
2731	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 60 kg - xuất	Mê Kông 7	33:2009/LCĐN	
2732	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 60 kg - xuất	Việt Mỹ 7	33:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2733	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo từ 60 kg - xuất	NEWWAY 607	33:2009/LCĐN	
2734	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo nái nuôi con, kích thích tiết sữa	Long châu 9	34:2009/LCĐN	
2735	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo nái nuôi con, kích thích tiết sữa	Mê Kông 9	34:2009/LCĐN	
2736	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo nái nuôi con, kích thích tiết sữa	Việt Mỹ 9	34:2009/LCĐN	
2737	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo nái nuôi con, kích thích tiết sữa	NewWay 609	34:2009/LCĐN	
2738	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chửa	Long Châu 10	35:2009/LCĐN	
2739	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chửa	Mê Kông 10	35:2009/LCĐN	
2740	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chửa	Việt Mỹ 10	35:2009/LCĐN	
2741	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chửa	NewWay 610	35:2009/LCĐN	
2742	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chửa	ECO E	35:2009/LCĐN	
2743	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo tạo nạc - heo 30kg - xuất	Long Châu Tạo Nạc	36:2009/LCĐN	
2744	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo tạo nạc - heo 30kg - xuất	Mê Kông Tạo Nạc	36:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2745	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo tạo nạc - heo 30kg - xuất	Việt Mỹ Tạo Nạc	36:2009/LCĐN	
2746	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên dùng cho heo tạo nạc - heo 30kg - xuất	NewWay 608	36:2009/LCĐN	
2747	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt con từ 1 - 21 ngày	NewWay 205	37:2009/LCĐN	
2748	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt con từ 1 - 21 ngày	Long Châu 3302	38:2009/LCĐN	
2749	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt con từ 1 - 21 ngày	Vịt con chạy đồng	38:2009/LCĐN	
2750	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho gà thịt	LC. Group G2DD	39:2009/LCĐN	
2751	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà siêu thịt (từ 1 - 21 ngày)	Agristar G21_CPC	40:2009/LCĐN	
2752	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà siêu thịt (từ 21 ngày - xuất)	Agristar G22_CPC	41:2009/LCĐN	
2753	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo con từ tập ăn đến 15kg	Agristar A29_CPC	42:2009/LCĐN	
2754	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 15kg - 30kg	Agristar A39_CPC	43:2009/LCĐN	
2755	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 30kg - 60kg	Agristar A49_CPC	44:2009/LCĐN	
2756	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái mang thai	Agristar A69_CPC	45:2009/LCĐN	
2757	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con	Agristar A89_CPC	46:2009/LCĐN	
2758	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 60kg - xuất	Agristar A59_CPC	47:2009/LCĐN	
2759	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ 15kg - xuất	Agristar A78_CPC	48:2009/LCĐN	
2760	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thả vườn	ECO E21	49:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2761	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt chạy đồng	ECO E31	50:2009/LCĐN	
2762	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ chạy đồng	ECO E99	51:2009/LCĐN	
2763	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt từ 1 - 21 ngày tuổi	ECO E30	52:2009/LCĐN	
2764	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con	GoodHope A70	53:2009/LCĐN	
2765	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con, kích tích tiết sữa	GoodHope A720	54:2009/LCĐN	
2766	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con, kích tích tiết sữa	LC.Group A720	54:2009/LCĐN	
2767	TĂGS siêu đậm đặc dạng bột dùng cho heo thịt	LC.Group C90	55:2009/LCĐN	
2768	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho thỏ con	LC. Group TH1	LCĐN 04/2007	
2769	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho thỏ thịt	LC. Group TH2	LCĐN 05/2007	
2770	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho thỏ đẻ	LC. Group TH3	LCĐN 06/2007	
2771	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà vỗ béo	Long Châu 2031	LCĐN 123/2005	
2772	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt vỗ béo	Long Châu 3031	LCĐN 124/2005	
	Công ty TNHH Nông nghiệp EH Việt Nam Địa chỉ: KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, Đồng Nai Tel: 061.3921921; Fax: 061.3921915			
2773	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 8 kg	EH 110, RG-7022	01:2009/EH ĐN	
2774	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	EH-111	02:2009/EH ĐN	
2775	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ 15kg - 30 kg	EH-121	03:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2776	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	EH-131	04:2009/EH ĐN	
2777	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	EH- 161	06:2009/EH ĐN	
2778	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	EH-171	07:2009/EH ĐN	
2779	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 60 kg - xuất chuồng	RG-7014	08:2009/EH ĐN	
2780	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	RG-7017	09:2009/EH ĐN	
2781	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ 15kg - 30 kg	RG-7018	10:2009/EH ĐN	
2782	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ hậu bị sau 43 ngày	T-9422	100:2009/EH ĐN	
2783	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ ≥ 85%	T-9423	101:2009/EH ĐN	
2784	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ ≥ 85%	T-9423S	102:2009/EH ĐN	
2785	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị từ 1 - 35 ngày	T-9511	103:2009/EH ĐN	
2786	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị sau 35 ngày	T-9512	104: 2009/EH ĐN	
2787	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà trắng từ 0 ngày - 28 ngày tuổi	EH-301	105:2009/EH ĐN	
2788	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà trắng từ 29 ngày - 7 ngày trước khi xuất chuồng	EH-302	106:2009/EH ĐN	
2789	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà trắng 7 ngày trước khi xuất chuồng	EH-303	107:2009/EH ĐN	
2790	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho gà thịt từ 1 ngày - xuất chuồng	EH 3600	108: 2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2791	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	RG-7020	11:2009/EH ĐN	
2792	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 8 kg	RG-7022	12:2009/EH ĐN	
2793	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	RG-7715	13:2009/EH ĐN	
2794	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	RG-7716	14:2009/EH ĐN	
2795	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 8 kg	EH 860	15:2009/EH ĐN	
2796	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	EH-861	16:2009/EH ĐN	
2797	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ 15kg - 30 kg	EH-862	17:2009/EH ĐN	
2798	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	EH-863	18:2009/EH ĐN	
2799	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 60 kg - xuất chuồng	EH-864	19:2009/EH ĐN	
2800	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	EH-901	20:2009/EH ĐN	
2801	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	EH-902	21:2009/EH ĐN	
2802	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho heo từ 30 kg - xuất chuồng	EH-3	22:2009/EH ĐN	
2803	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho heo thịt từ 30 kg - xuất chuồng	EH-3A	23:2009/EH ĐN	
2804	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	EH-151	24:2009/EH ĐN	
2805	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	EH-152	25:2009/EH ĐN	
2806	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	EH-153	26:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2807	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ cai sữa - xuất chuồng	EH-153S	27:2009/EH ĐN	
2808	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	EH 1600	28:2009/EH ĐN	
2809	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	EH 1700	29:2009/EH ĐN	
2810	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	RG7038	30:2009/EH ĐN	
2811	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	RG 7046	31:2009/EH ĐN	
2812	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ cai sữa - xuất chuồng	RG 7049	32:2009/EH ĐN	
2813	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	RG 7738	33:2009/EH ĐN	
2814	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	EH 880	34:2009/EH ĐN	
2815	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	EH 881	35:2009/EH ĐN	
2816	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	EH 882	36:2009/EH ĐN	
2817	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	EH 883	37:2009/EH ĐN	
2818	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ cai sữa - xuất chuồng	EH 883S	38:2009/EH ĐN	
2819	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	EH 900	39:2009/EH ĐN	
2820	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 - 21 ngày tuổi	EH-311	40:2009/EH ĐN	
2821	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 22 - 42 ngày	EH-312	41:2009/EH ĐN	
2822	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43 ngày	EH-313	42:2009/EH ĐN	
2823	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 0 - 42 ngày	EH-321	43:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2824	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 43 - 63 ngày	EH-322	44:2009/EH ĐN	
2825	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng sau 63 ngày	EH- 323	45:2009/EH ĐN	
2826	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 0 - 6 tuần	EH 331	46:2009/EH ĐN	
2827	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 7 - 20 tuần	EH 332	47:2009/EH ĐN	
2828	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần	EH-333	48:2009/EH ĐN	
2829	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 - 21 ngày tuổi	RG-510	49:2009/EH ĐN	
2830	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 - 21 ngày tuổi	RG-511	50:2009/EH ĐN	
2831	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 - 21 ngày tuổi	RG-512	51:2009/EH ĐN	
2832	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43 ngày	RG-513	52:2009/EH ĐN	
2833	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 0 - 42 ngày	RG-7321	53:2009/EH ĐN	
2834	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 43 - 63 ngày	RG-7322	54:2009/EH ĐN	
2835	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng sau 63 ngày	RG-7323	55:2009/EH ĐN	
2836	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 1 - 6 tuần	RG 7331	56:2009/EH ĐN	
2837	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 7 - 20 tuần	RG 7332	57:2009/EH ĐN	
2838	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần	RG-7333	58:2009/EH ĐN	
2839	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 0 - 21 ngày	EH-411	59:2009/EH ĐN	
2840	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày	EH-412	60:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2841	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt sau 43 ngày	EH-413	61:2009/EH ĐN	
2842	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt con từ 0 - 21 ngày	EH-411A	62:2009/EH ĐN	
2843	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ từ 0 - 42 ngày	EH-421	63:2009/EH ĐN	
2844	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ hậu bị sau 43 ngày	Eh422	64:2009/EH ĐN	
2845	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ ≥ 85%	EH-423	65:2009/EH ĐN	
2846	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ ≥ 85%	EH-423S	66:2009/EH ĐN	
2847	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 0 - 21 ngày	RG-7411	67:2009/EH ĐN	
2848	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt con từ 0 - 21 ngày	RG-7411A	68:2009/EH ĐN	
2849	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày	RG-7412	69:2009/EH ĐN	
2850	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt sau 43 ngày	RG-7413	70:2009/EH ĐN	
2851	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ từ 0 - 42 ngày	RG-7421	71:2009/EH ĐN	
2852	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ hậu bị sau 43 ngày	RG7422	72: 2009/EH ĐN	
2853	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ ≥ 85%	RG-7423	73:2009/EH ĐN	
2854	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ ≥ 85%	RG-7423S	74:2009/EH ĐN	
2855	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị từ 0 - 35 ngày	EH 511	75:2009/EH ĐN	
2856	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị từ 1 - 35 ngày	RG 7511	77:2009/EH ĐN	
2857	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị sau 35 ngày	RG7512	78:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2858	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị sau 35 ngày	EH 512	78:2009/EH ĐN	
2859	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	T-9888	79:2009/EH ĐN	
2860	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	T-9861	80:2009/EH ĐN	
2861	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ 15kg - 30 kg	T-9862	81:2009/EH ĐN	
2862	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	T-9863	82:2009/EH ĐN	
2863	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 60 kg - xuất chuồng	T-9864	83:2009/EH ĐN	
2864	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	T-9901	84:2009/EH ĐN	
2865	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	T-9902	85:2009/EH ĐN	
2866	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	T-9044	86:2009/EH ĐN	
2867	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg - xuất chuồng	T- 9046	87:2009/EH ĐN	
2868	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ cai sữa - xuất chuồng	T -9049	88:2009/EH ĐN	
2869	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	T- 9038	89:2009/EH ĐN	
2870	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 - 21 ngày tuổi	T-9311	90:2009/EH ĐN	
2871	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 22 - 42 ngày	T-9312	91:2009/EH ĐN	
2872	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43 ngày	T-9313	92:2009/EH ĐN	
2873	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 1 - 6 tuần	T-9331	93:2009/EH ĐN	
2874	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 7 - 20 tuần	T-9332	94:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2875	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần	T-9333	95:2009/EH ĐN	
2876	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 0 - 21 ngày	T-9411	96:2009/EH ĐN	
2877	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày	T-9412	97:2009/EH ĐN	
2878	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt sau 43 ngày	T-9413	98:2009/EH ĐN	
2879	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ từ 0 - 42 ngày	T-9421	99:2009/EH ĐN	
	Công ty TNHH FARMTECH (Việt Nam) Địa chỉ: Lô IV-1, KCN Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 0613.988158. Fax: 0613.988159			
2880	Thức ăn hỗn hợp dạng viên sữa nhân tạo cho heo con từ 7 ngày - 10kg	H1V	02:2009/FT DN	
2881	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn 7 ngày - 15kg	AH2V	06:2009/FT DN	
2882	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con 20kg - 40kg	H3V	08:2009/FT DN	
2883	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 15kg đến 30kg	AH3V	10:2009/FT DN	
2884	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 40kg - 70kg	H4V	12:2009/FT DN	
2885	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 30kg - xuất chuồng	AH4V	14:2009/FT DN	
2886	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái mang thai	H6	15:2009/FT DN	
2887	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai	H6V	16:2009/FT DN	
2888	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái nuôi con	H7	17:2009/FT DN	
2889	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con	H7V	18:2009/FT DN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2890	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho heo nái mang thai	H8	19:2009/FT DN	
2891	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai	H8V	20:2009/FT DN	
2892	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 20kg - xuất chuồng	DH3	21:2009/FT DN	
2893	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 20kg - xuất chuồng	DH4	22:2009/FT DN	
2894	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái chửa	DH6	23:2009/FT DN	
2895	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái nuôi con	DH7	24:2009/FT DN	
2896	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ giai đoạn 8 - 18 tuần tuổi	G2	26:2009/FT DN	
2897	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ giai đoạn 18 - 78 tuần tuổi	G3	27:2009/FT DN	
2898	Đậm đặc heo con	DH1	32:2009/FT DN	
2899	Bắp nấu chín	NI	34:2009/FT DN	
2900	Đậu nành nấu chín	NII	35:2009/FT DN	
2901	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt thịt vỗ béo từ 6 tuần - xuất chuồng	AVT	36:2009/FT DN	
	Công ty TNHH Gold Coin Feedmill Đồng Nai Địa chỉ: Lô D12-1.1, Quốc lộ 15A, KCN Long Bình, P. Long Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai Điện thoại: 0613 993588. Fax: 0618 899911			
2902	Hỗn hợp cho heo sữa từ 7 ngày - 7kg thể trọng	1000	AF.ĐN01/11	
2903	Hỗn hợp cho heo con từ 8kg - 15kg thể trọng	1010	AF.ĐN02/11	
2904	Hỗn hợp cao cấp cho heo thịt siêu nạc từ 15kg - 45kg thể trọng	1020	AF.ĐN03/11	
2905	Hỗn hợp cao cấp cho heo thịt siêu nạc từ 60kg thể trọng đến xuất chuồng	1030	AF.ĐN04/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2906	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	1040	AF.ĐN05/11	
2907	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	1050	AF.ĐN06/11	
2908	Đậm đặc siêu đạm cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	1120	AF.ĐN08/11	
2909	Đậm đặc cho heo nái mang thai và nuôi con	1210	AF.ĐN09/11	
2910	Hỗn hợp cho heo thịt từ 15kg - 45kg thể trọng	LV2	AF.ĐN10/11	
2911	Hỗn hợp cho heo thịt từ 45kg thể trọng đến xuất chuồng	LV3	AF.ĐN11/11	
2912	Hỗn hợp cho heo nái mang thai	LV6	AF.ĐN12/11	
2913	Hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 1 - 14 ngày tuổi	3010	AF.ĐN13/11	
2914	Hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 15 - 28 ngày tuổi	3020	AF.ĐN14/11	
2915	Hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	3030	AF.ĐN15/11	
2916	Hỗn hợp cho gà thịt từ 1 - 28 ngày tuổi	GV1	AF.ĐN16/11	
2917	Hỗn hợp cho gà thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	GV2	AF.ĐN17/11	
2918	Hỗn hợp cao cấp cho gà hậu bị từ 8 - 18 tuần tuổi	3040	AF.ĐN18/11	
2919	Hỗn hợp cao cấp cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi trở lên	3050	AF.ĐN19/11	
2920	Hỗn hợp cao cấp cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	2010	AF.ĐN20/11	
2921	Hỗn hợp cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	VV1	AF.ĐN22/11	
2922	Hỗn hợp cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	VV2	AF.ĐN23/11	
2923	Hỗn hợp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi trở lên	2040	AF.ĐN24/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2924	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút thịt từ 1 - 35 ngày tuổi	5010	AF.ĐN25/11	
2925	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút đẻ	5050	AF.ĐN26/11	
2926	Đậm đặc cho heo thịt từ 15kg thể trọng đến xuất chuồng	1130	AF.ĐN27/11	
2927	Thức ăn tập ăn cho heo con từ 8kg - 15kg thể trọng	301	GC.ĐN00/04	
2928	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 - 28 ngày tuổi	211	GC.ĐN01/04	
2929	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	212	GC.ĐN02/04	
2930	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị 8 - 18 tuần tuổi	104	GC.ĐN03/04	
2931	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi trở lên	105	GC.ĐN04/04	
2932	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 1 - 14 ngày tuổi	201	GC.ĐN05/04	
2933	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 15 - 28 ngày tuổi	202	GC.ĐN06/04	
2934	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi trở lên.	415SP	GC.ĐN06/10	
2935	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	203	GC.ĐN07/04	
2936	Thức ăn tập ăn cho heo sữa từ 7 ngày - 7kg thể trọng	300	GC.ĐN08/04	
2937	Thức ăn tập ăn cao cấp cho heo con từ 8kg - 15kg thể trọng	301S	GC.ĐN09/10	
2938	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 15kg - 30kg thể trọng	302	GC.ĐN10/04	
2939	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo thịt từ 30kg - 60kg thể trọng	303S	GC.ĐN10/09	
2940	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 15kg - 30kg thể trọng	312	GC.ĐN11/04	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2941	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg - 60kg thể trọng	303	GC.ĐN12/04	
2942	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg - 60kg thể trọng	313	GC.ĐN13/04	
2943	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60kg đến xuất chuồng	304	GC.ĐN15/04	
2944	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	306	GC.ĐN16/04	
2945	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	316	GC.ĐN17/04	
2946	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	309	GC.ĐN18/04	
2947	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg thể trọng đến xuất chuồng	805	GC.ĐN20/04	
2948	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai và nuôi con	806	GC.ĐN21/04	
2949	Thức ăn đậm đặc siêu đạm cho heo từ 5kg thể trọng đến xuất chuồng	805SP	GC.ĐN23/04	
2950	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	401	GC.ĐN24/06	
2951	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	411	GC.ĐN25/06	
2952	Thức ăn hỗn hợp cho vịt chạy đồng từ 22 ngày tuổi - xuất chuồng	413	GC.ĐN26/06	
2953	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi trở lên	415SH	GC.ĐN29/06	
2954	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút thịt từ 1 - 35 ngày tuổi	501	GC.ĐN29/10	
2955	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút đẻ	505	GC.ĐN30/10	
	Công ty CP Greenfeed Việt Nam, Chi nhánh Đồng Nai Địa chỉ: Đường số 6, KCN Sông Mây, huyện Trảng Bom, Đồng Nai Tel: 0618972881; Fax: 0618972468			
2956	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt thương phẩm từ 1 - 21 ngày tuổi	1112	01:2011/GF ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2957	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 22 - 35 ngày tuổi	1124	02:2011/GF ĐN	
2958	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 35 ngày tuổi - xuất chuồng	1134	03:2011/GF ĐN	
2959	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt thương phẩm từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng	1160	04:2011/GF ĐN	
2960	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng mảnh/dạng viên cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	1240/1242/ 1244	05:2011/GF ĐN	
2961	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	1260	07:2011/GF ĐN	
2962	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	3114	08:2011/GF ĐN	
2963	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	3124	09:2011/GF ĐN	
2964	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	3134	10:2011/GF ĐN	
2965	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo sau cai sữa đến 30kg - Medifeed	MF 99	100:2011/GF ĐN	
2966	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng siêu thịt từ 20 tuần tuổi	3154	101:2011/GF ĐN	
2967	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi	3144	11:2011/GF ĐN	
2968	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng từ 20 tuần tuổi	3244	12:2011/GF ĐN	
2969	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thả vườn, gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	1312	13:2011/GF ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2970	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn, gà lông màu từ 31 ngày tuổi - xuất chuồng	1324	14:2011/GF ĐN	
2971	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 - 35 ngày tuổi	2110	15:2011/GF ĐN	
2972	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi trở lên	2120	16:2011/GF ĐN	
2973	Thức ăn hỗn hợp dạng viên Winner - 1 cho heo con từ tập ăn đến 8kg	9014	17:2011/GF ĐN	
2974	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên Winner - 2 cho heo con từ 8kg - 15kg	9020/9024	18:2011/GF ĐN	
2975	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 - 35 ngày tuổi	2310	19:2011/GF ĐN	
2976	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên Progesta cho heo nái mang thai	9040/9044	20:2011/GF ĐN	
2977	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 240	21:2011/GF ĐN	
2978	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên Dura - Sow cho heo nái nuôi con	9050/9054	22:2011/GF ĐN	
2979	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 242	23:2011/GF ĐN	
2980	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên Lean Max - 1 cho heo thịt từ 15kg đến 30kg	9100/9104	24:2011/GF ĐN	
2981	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng siêu thịt từ 20 tuần tuổi	HD 154	25:2011/GF ĐN	
2982	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên Lean Max - 2 cho heo thịt từ 30kg - 60kg	9200/9204	26:2011/GF ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2983	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ tập ăn đến 8 kg	HP 014	27:2011/GF ĐN	
2984	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên Lean Max - 3 cho heo thịt từ 60kg - xuất chuồng	9300/9304	28:2011/GF ĐN	
2985	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi trở lên	HQ 120	29:2011/GF ĐN	
2986	Thức ăn đậm đặc Lean Max Concentrate cho heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng	9600	30:2011/GF ĐN	
2987	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt Sau cai sữa - xuất chuồng	9610	31:2011/GF ĐN	
2988	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa - xuất chuồng	9630	32:2011/GF ĐN	
2989	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai	9700	33:2011/GF ĐN	
2990	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	9800	34:2011/GF ĐN	
2991	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thả vườn, gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	HC 312	35:2011/GF ĐN	
2992	Thức ăn hỗn hợp cho heo đực giống dạng bột/dạng viên Super boar	9060/9064	36:2011/GF ĐN	
2993	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn, gà lông màu từ 31 ngày tuổi - xuất chuồng	HC 324	37:2011/GF ĐN	
2994	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên cho heo con sau cai sữa Winner - 3	9030/9034	38:2011/GF ĐN	
2995	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 244	39:2011/GF ĐN	
2996	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng mảnh cho gà con hướng trứng thương phẩm từ 1 - 7 tuần tuổi	1210/1212	40:2011/GF ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2997	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng mảnh/dạng viên cho gà hậu bị từ 8 - 18 tuần tuổi	1220/1222/ 1224	43:2011/GF ĐN	
2998	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng mảnh cho gà con hướng trứng thương phẩm từ 1 - 7 tuần tuổi	HC 210/HC 212	44:2011/GF ĐN	
2999	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt thương phẩm từ 1 - 21 ngày tuổi	HC 112	45:2011/GF ĐN	
3000	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 22 - 35 ngày tuổi	HC 124	46:2011/GF ĐN	
3001	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng mảnh/dạng viên cho gà hậu bị từ 8 - 18 tuần tuổi	HC 220/ HC222/HC 224	47:2011/GF ĐN	
3002	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 35 ngày tuổi - xuất chuồng	HC 134	48:2011/GF ĐN	
3003	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên cho heo con từ 8kg đến 15kg	HP 020/HP 024	55:2011/GF ĐN	
3004	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo lai kinh tế từ 20kg - xuất chuồng	P 674	56:2011/GF ĐN	
3005	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 - 35 ngày tuổi	HQ 310	57:2011/GF ĐN	
3006	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên cho heo con sau cai sữa từ 15 đến 30kg	HP 030/HP 034	58:2011/GF ĐN	
3007	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên Progesta cho heo nái mang thai	HP 040/HP 044	60:2011/GF ĐN	
3008	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên Dura-Sow cho heo nái nuôi con	HP 050/HP 054	62:2011/GF ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3009	Thức ăn cho heo đực giống dạng bột/dạng viên Super boar	HP 060/HP 064	64:2011/GF ĐN	
3010	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên cho heo thịt từ 15kg đến 30kg	HP 100/HP 104	66:2011/GF ĐN	
3011	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên cho heo thịt từ 30kg đến 60kg	HP 200/HP 204	68:2011/GF ĐN	
3012	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên cho heo thịt từ 60kg đến xuất chuồng	HP 300/HP 304	70:2011/GF ĐN	
3013	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng	HP 600	71:2011/GF ĐN	
3014	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt sau cai sữa - xuất chuồng	HP 610	72:2011/GF ĐN	
3015	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa xuất chuồng	HP 630	73:2011/GF ĐN	
3016	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai	HP 700	74:2011/GF ĐN	
3017	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	HP 800	75:2011/GF ĐN	
3018	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	HD 114	76:2011/GF ĐN	
3019	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	HD 124	77:2011/GF ĐN	
3020	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	HD 134	78:2011/GF ĐN	
3021	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi	HD 144	79:2011/GF ĐN	
3022	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng từ 20 tuần tuổi	HD 244	80:2011/GF ĐN	
	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nam Mỹ Địa chỉ: 695B, ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 061.8951596 Fax: 061.8951597			
3023	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 15 đến 30 kg	CROSS PIG 01	01: 2009/NM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3024	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 15 đến 30 kg	PROFIT A	01: 2010/NM	
3025	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 30 đến 60 kg	CROSS PIG 02	02: 2009/NM	
3026	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 30 đến 60 kg	PROFIT B	02: 2010/NM	
3027	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 60 kg đến XC	PROFIT C	03: 2010/NM	
3028	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	CROSS PIG 04	04: 2009/NM	
3029	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	PROFIT D	04: 2010/NM	
3030	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái nuôi con	CROSS PIG 05	05: 2009/NM	
3031	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái nuôi con	PROFIT E	05: 2010/NM	
3032	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi gà ta, gà tàu, gà thả vườn 21 ngày - XC	PROFIT 201	06: 2010/NM	
3033	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi gà vỗ béo	PROFIT 202	07: 2010/NM	
3034	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi gà con từ 1 đến 21 ngày	PROFIT 200	08: 2010/NM	
3035	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) nuôi heo từ 7 đến 15 kg	PROFIT 101	09: 2010/NM	
3036	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) nuôi heo nái mang thai	AMAZON 2010	10: 2010/NM	
3037	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt vỗ béo	DUCK FEED 119	11: 2009/NM	
3038	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	FAST FEED 04	15: 2009/NM	
3039	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	LUCK FEED 04	16: 2009/NM	
3040	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng	VIT 1329	NM ĐN 01/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3041	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 01 đến 21 ngày tuổi	VIT 1309	NM ĐN 02/08	
3042	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt vỗ béo	VIT 1319	NM ĐN 03/08	
3043	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ	VIT 1369	NM ĐN 04/08	
3044	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 01 đến 21 ngày tuổi	VIT 1379	NM ĐN 05/08	
3045	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 21 ngày đến xuất bán	VIT 1389	NM ĐN 06/08	
3046	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	OZONE 8948	NM ĐN 07/08	
3047	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	OZONE 8946	NM ĐN 08/08	
3048	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ 15 kg đến xuất chuồng	OZONE 8942	NM ĐN 09/08	
3049	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái	OZONE 8937	NM ĐN 10/08	
3050	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 7 ngày đến 8 kg	OZONE 8900	NM ĐN 11/08	
3051	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 8 đến 15 kg	OZONE 8920	NM ĐN 12/08	
3052	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 15 đến 30 kg	OZONE 8918	NM ĐN 13/08	
3053	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 30 đến 60 kg	OZONE 8916	NM ĐN 14/08	
3054	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 60 kg đến XC	OZONE 8914	NM ĐN 15/08	
3055	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	OZONE 8904	NM ĐN 16/08	
3056	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái nuôi con	OZONE 8905	NM ĐN 17/08	
3057	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	TOTAL 9948	NM ĐN 18/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3058	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	TOTAL 9946	NM ĐN 19/08	
3059	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ 15 kg đến xuất chuồng	TOTAL 9942	NM ĐN 20/08	
3060	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ 15 kg đến xuất chuồng	TOTAL 9936	NM ĐN 21/08	
3061	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái	TOTAL 9937	NM ĐN 22/08	
3062	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 7 ngày đến 8 kg	TOTAL 9900	NM ĐN 23/08	
3063	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 8 đến 15 kg	TOTAL 9901	NM ĐN 24/08	
3064	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 20 đến 50 kg	TOTAL 9902	NM ĐN 25/08	
3065	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 50 kg đến XC	TOTAL 9903	NM ĐN 26/08	
3066	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	TOTAL 9904	NM ĐN 27/08	
3067	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái nuôi con	TOTAL 9905	NM ĐN 28/08	
3068	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	@ 50	NM ĐN 29/08	
	Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (Công bố áp dụng cho tất cả các nhà máy của Proconco trong cả nước) Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Đồng Nai Điện thoại: 061.3836454 - 8826626. Fax: 061.3836146			
3069	Thức ăn hỗn hợp cho heo con 15 - 30kg	Big One 1	01:2010/PROCONCO	
3070	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	C40S	01:2011/PROCONCO	
3071	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt 30 - 60kg	Big One 2	02:2010/PROCONCO	
3072	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	A4000	02:2011/PROCONCO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3073	Thức ăn hỗn hợp cho heo con theo mẹ	Delice A, FF14A	03:2010/PROC ONCO	
3074	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn đến 15kg	Delice B, C14, S14, A1400, F1110, FF14B, PRESTAR-TER	04:2010/PROC ONCO	
3075	Thức ăn hỗn hợp cho heo con 15 - 30kg	C15, A1500, F1120, Porcy15, FF15, F1505, SN01, STARTER	05:2010/PROC ONCO	
3076	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt 30 - 60kg	C16, A1600, F1130, Porcy16, FF16, SN02, GROWTH	06:2010/PROC ONCO	
3077	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60kg - xuất	C17, A1700, F1140, Porcy17, FF17, SN03	07:2010/PROC ONCO	
3078	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai từ 30 - 60kg	C165, S165	08:2010/PROC ONCO	
3079	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai từ 60kg - xuất chuồng	C175, S175	09:2010/PROC ONCO	
3080	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai từ 30kg - xuất chuồng	F1, F100, HL99	10:2010/PROC ONCO	
3081	Thức ăn hỗn hợp cho heo hậu bị	C18, F1170, Porcy18, FF18, F1802	11:2010/PROC ONCO	
3082	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15 - 30kg	FF01	11:2011/PROC ONCO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3083	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	C18A, A1800, F1150, Porcy18A, FF18A, F1804, S18A, Gestation	12:2010/PROC ONCO	
3084	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30 - 60kg	FF02	12:2011/PROC ONCO	
3085	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	C18B, A1900, F1160, Porcy18B, FF18B, F1806, S18B, Lactation	13:2010/PROC ONCO	
3086	Thức ăn hỗn hợp cho lợn đực giống	C18C	14:2010/PROC ONCO	
3087	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất thịt	C10, S10	15:2010/PROC ONCO	
3088	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt từ 5kg - xuất thịt	CHAMPION HN, S1000	16:2010/PROC ONCO	
3089	Thức ăn siêu đậm đặc cho lợn con từ 5 - 15kg	ĐĐ lợn con 2000	17:2010/PROC ONCO	
3090	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 7kg - xuất thịt	C99	18:2010/PROC ONCO	
3091	Thức ăn đậm đặc SĐ77 cho heo thịt từ 5kg - xuất thịt	SĐ77	19:2010/PROC ONCO	
3092	Thức ăn đậm đặc 24K cho heo thịt từ 5kg - xuất thịt	24K	21:2010/PROC ONCO	
3093	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất thịt	Porcy2002, A1100, Super2000, FF2002	22:2010/PROC ONCO	
3094	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất thịt	Champion, A1000	23:2010/PROC ONCO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3095	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5kg - xuất thịt	Champion/ Ami/Sumo/ Porcy/France feed cao đạm	24:2010/PROC ONCO	
3096	Thức ăn đậm đặc cho heo nái	C12, S12, A1200, Porcy12, FF12, F1090	25:2010/PROC ONCO	
3097	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	C40, S40	26:2010/PROC ONCO	
3098	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	FF40	27:2010/PROC ONCO	
3099	Thức ăn hỗn hợp cho bê, bò tơ và bò cái cạn sữa	C41	28:2010/PROC ONCO	
3100	Thức ăn hỗn hợp cho bò thịt	C42, FF42	29:2010/PROC ONCO	
3101	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	C40 NEW	30:2010/PROC ONCO	
3102	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt	C200, C20, A2000, S20	41:2010/PROC ONCO	
3103	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 1 - 21 ngày tuổi	C225A	41:2011/PROC ONCO	
3104	Thức ăn đậm đặc cho gà ta, gà tàu	C205	42:2010/PROC ONCO	
3105	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 22 - 42 ngày tuổi	C225B	42:2011/PROC ONCO	
3106	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ	C21, C210, A2100, FF21, S210	43:2010/PROC ONCO	
3107	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	C235 (NEW)	43:2011/PROC ONCO	
3108	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ giống	C211	44:2010/PROC ONCO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3109	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 1 - 21 ngày tuổi	FF225A	44:2011/PROC ONCO	
3110	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ	C24, A2400, FF24, Hỗn Hợp GĐST	45:2010/PROC ONCO	
3111	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 22 - 42 ngày tuổi	FF225B	45:2011/PROC ONCO	
3112	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ	HH Viên Gà Đẻ	46:2010/PROC ONCO	
3113	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	FF235 (NEW)	46:2011/PROC ONCO	
3114	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ Ai Cập	HH Gà Đẻ Ai Cập	47:2010/PROC ONCO	
3115	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 1 - 42 ngày tuổi	FF225	47:2011/PROC ONCO	
3116	Thức ăn hỗn hợp cho gà giống bố mẹ	C240, S240	48:2010/PROC ONCO	
3117	Thức ăn đậm đặc cho gà hậu bị	C25, A2500, FF25, S25	49:2010/PROC ONCO	
3118	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị giai đoạn 1 từ 1 - 10 tuần	C26, A2600, FF26, HH Gà Hậu Bị GĐ1	50:2010/PROC ONCO	
3119	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị giai đoạn 2 từ 11 - 19 tuần	C27, A2700, FF27, HH Gà Hậu Bị GĐ2	51:2010/PROC ONCO	
3120	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 12 ngày tuổi	C28A	52:2010/PROC ONCO	
3121	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 13 - 24 ngày tuổi	C28B	53:2010/PROC ONCO	
3122	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 25 ngày tuổi - xuất	C29	54:2010/PROC ONCO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3123	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo gà siêu thịt	C29B	55:2010/PROC ONCO	
3124	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	GST01	56:2010/PROC ONCO	
3125	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 15 - 30 ngày tuổi	GST02	57:2010/PROC ONCO	
3126	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt trên 30 ngày tuổi	GST03	58:2010/PROC ONCO	
3127	Thức ăn hỗn hợp cho gà vỗ béo	GST04	59:2010/PROC ONCO	
3128	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	G1000, A2310, FF1000	60:2010/PROC ONCO	
3129	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 ngày tuổi - chờ xuất	G2000, A2320, FF2000	61:2010/PROC ONCO	
3130	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 5 - 7 ngày trước khi xuất	G3000, A2330, FF3000	62:2010/PROC ONCO	
3131	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà tàu từ 1 - 42 ngày tuổi	C225, F2115, A2250, S225	63:2010/PROC ONCO	
3132	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà tàu trên 42 ngày tuổi	C235, F2125, A2350, S235	64:2010/PROC ONCO	
3133	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo gà ta, gà tàu	C2300, F2135, A2300, FF2300	65:2010/PROC ONCO	
3134	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1 - 21 ngày tuổi	P221	66:2010/PROC ONCO	
3135	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 22 - 42 ngày tuổi	P222	67:2010/PROC ONCO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3136	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 43 ngày tuổi - chờ xuất	P223	68:2010/PROC ONCO	
3137	Thức ăn đậm đặc cho cút đẻ	C31, A3100, FF31	69:2010/PROC ONCO	
3138	Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị	C32, A3200, FF32, HH Cút Hậu Bị	70:2010/PROC ONCO	
3139	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ	C34, A3400, FF34, S34	71:2010/PROC ONCO	
3140	Thức ăn đậm đặc cho vịt đẻ	C61, S61, FF61	81:2010/PROC ONCO	
3141	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trên 5 tháng đẻ	C64S	81:2011/PROC ONCO	
3142	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	C62, A6200, FF62	82:2010/PROC ONCO	
3143	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo vịt từ 10 - 15 ngày trước khi xuất	C666	82:2011/PROC ONCO	
3144	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 21 - 42 ngày tuổi	C63A, FF63A	83:2010/PROC ONCO	
3145	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt trên 42 ngày tuổi	C63B, FF63B	84:2010/PROC ONCO	
3146	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	C662	85:2010/PROC ONCO	
3147	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi - vỗ béo	C663, A6300	86:2010/PROC ONCO	
3148	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo vịt từ 10 - 15 ngày trước khi xuất	C666, A6600	87:2010/PROC ONCO	
3149	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo vịt	C6000, FF6000	88:2010/PROC ONCO	
3150	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	C64, A6400, FF64, S64	89:2010/PROC ONCO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3151	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	C664, A6640	90:2010/PROC ONCO	
3152	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng giống	C640, FF640	91:2010/PROC ONCO	
3153	Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	VNT01	92:2010/PROC ONCO	
3154	Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	VNT02	93:2010/PROC ONCO	
3155	Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan thịt trên 42 ngày tuổi	VNT03	94:2010/PROC ONCO	
3156	Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan đẻ siêu trứng	HH Vịt Ngan đẻ siêu trứng	95:2010/PROC ONCO	
3157	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	Big One 6	96:2010/PROC ONCO	
	Công ty TNHH Một thành viên PROVIMI (PROVIMI VIETNAM) Địa chỉ: 238 quốc lộ 1A, phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (061) 3881 489 ; Fax: (061) 3884 304			
3158	Chế phẩm trợ sinh cho heo nái mang thai	PACIFLOR	10:2010/PVM	
3159	Thức ăn bổ sung vitamin - khoáng cho heo giống	NUBIOTIN E	10:2011/PVM	
3160	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia cầm	AF_STAR GRO 5012	106:2010/PVM	
3161	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia cầm	AF_STAR GRO 6012	107:2010/PVM	
3162	Thức ăn bổ sung vitamin cho gia cầm	NUVITAN	11:2010/PVM	
3163	Premix bổ sung vitamin cho gia cầm đẻ	VITAMIN 21 GIA CẦM ĐẺ - NEW	112:2010/PVM	
3164	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn bò	VNFM_ VITAMIN ADE	114:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3165	Premix bổ sung Vitamin & Khoáng cho thức ăn của heo con cai sữa	HH_PIG PRESTARTER 4782	116:2010/PVM	
3166	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn của heo con	HH_PIG STARTER 4783	117:2010/PVM	
3167	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn heo giống	WH_PIG BREEDER PREMIX	119:2010/PVM	
3168	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn heo nái mang thai và nái nuôi con	HA_ VIKAMIX HC-04	125:2010/PVM	
3169	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia cầm	CJVN_ VITAMIN POULTRY (CM 1976)	126:2010/PVM	
3170	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn heo con	WH_PIG STARTER PREMIX	127:2010/PVM	
3171	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn heo lứa	WH_PIG GROWER PREMIX	128:2010/PVM	
3172	Hỗn hợp chất điện giải hòa tan cho gia súc, gia cầm	NUTROLYTE	129:2010/PVM	
3173	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn gia cầm đẻ	PREMIX 01 VINA	13:2010/PVM	
3174	Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi ngừa cầu trùng cho gà	CLOPIDOL 12.5%	130:2010/PVM	
3175	Hỗn hợp bổ sung vitamin cho thức ăn gà giò	JF_BROILER VITAMIN - GRAPE PP - NEW	131:2010/PVM	
3176	Premix bổ sung dinh dưỡng và phụ gia cho heo cai sữa 7 - 15 kg	PROMIX HEO CAI SỮA 7 - 15kg 5%	134:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3177	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo con	HC_CÔNG THỨC HEO CON CUSTOMIX 001	135:2010/PVM	
3178	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo thịt	HC_CÔNG THỨC HEO THỊT CUSTOMIX 002	136:2010/PVM	
3179	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	FT_PIG VITAMIN PREMIX	137:2010/PVM	
3180	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo < 15 kg	NH_PREMIX VITAMIN HEO < 15KG 0.1%	138:2010/PVM	
3181	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn nái nuôi con và mang thai	NH_ VITAMIN PREMIX NÁI NUÔI CON & MANG THAI 0,1%	139:2010/PVM	
3182	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn gia cầm đẻ trứng	WH_ POULTRY LAYER PREMIX	141:2010/PVM	
3183	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn gia cầm thịt	WH_ POULTRY BROILER PREMIX	142:2010/PVM	
3184	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho gia cầm thịt	VT_MGC_ 01	144:2010/PVM	
3185	Sữa thay thế dùng cho heo con	NUTRILAC 306	145:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3186	Thức ăn bổ sung axit amin, vitamin và khoáng cho heo	SUPERMIX	146:2010/PVM	
3187	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	PREMIX V-6	149:2010/PVM	
3188	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	PREMIX V-7	150:2010/PVM	
3189	Premix bổ sung vitamin cho heo	PREMIX V-8	153:2010/PVM	
3190	Giúp nái lên giống tốt hơn	HAPPY SOW	154:2010/PVM	
3191	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gà đẻ	NTF_LAYER MINERAL 21 0,2%	155:2010/PVM	
3192	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200A	156:2010/PVM	
3193	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200B	157:2010/PVM	
3194	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200C	158:2010/PVM	
3195	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200F	159:2010/PVM	
3196	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200H	160:2010/PVM	
3197	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300A	161:2010/PVM	
3198	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300B	162:2010/PVM	
3199	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300C	163:2010/PVM	
3200	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300D	164:2010/PVM	
3201	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300G	165:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3202	Thức ăn bổ sung - hấp phụ, trung hòa độc tố nấm mốc	NUTRIBIND	173:2010/PVM	
3203	Thức ăn bổ sung - hấp phụ, trung hòa độc tố nấm và nấm mốc	NUTRIBIND+	174:2010/PVM	
3204	Premix bổ sung vitamin - khoáng và chất phụ gia cho thức ăn heo nái	NT195 DD HEO NÁI	182:2010/PVM	
3205	Premix bổ sung vitamin - khoáng và chất phụ gia cho thức ăn gà ta, gà tàu	NT 2536 HH GÀ TA, GÀ TÀU	183:2010/PVM	
3206	Premix bổ sung vitamin - khoáng và chất phụ gia cho thức ăn bò sữa	NT 404HH BÒ SỮA	184:2010/PVM	
3207	Premix bổ sung vitamin - khoáng và chất phụ gia cho thức ăn vịt thịt	NT 624 HH VỊT THỊT	185:2010/PVM	
3208	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn vịt đẻ	NT 645 HH VỊT ĐẺ	186:2010/PVM	
3209	Premix bổ sung vitamin - khoáng và chất phụ gia cho thức ăn gà ta, gà tàu	NT 2537 HH GÀ TA, GÀ TÀU	189:2010/PVM	
3210	Premix bổ sung vitamin, khoáng và chất phụ gia cho thức ăn gà ta, gà tàu	NT2535_HH GÀ TA, GÀ TÀU	190:2010/PVM	
3211	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	7005-A	20:2010/PVM	
3212	Premix bổ sung vitamin cho gia cầm	213 - V SAN MIGUEL	22:2010/PVM	
3213	Premix bổ sung khoáng cho gia cầm	POULTRY MINERAL	23:2010/PVM	
3214	Premix bổ sung vitamin cho heo	207 - V SAN MIGUEL	24:2010/PVM	
3215	Premix bổ sung khoáng cho heo	PIG MINERAL	25:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3216	Men tiêu hóa và chất làm tăng tính thèm ăn cho heo	PIGZYME	26:2010/PVM	
3217	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho gia cầm	PREMIX 13 VINA	27:2010/PVM	
3218	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn heo nái	HC_CÔNG THỨC HEO NÁI CUSTOMIX	27:2011/PVM	
3219	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn gà thịt	BROILER PREMIX LHP01	28:2011/PVM	
3220	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn gia cầm thịt	HMV_ BROILER PREMIX NEW	30:2011/PVM	
3221	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn heo	CJVN_ MINERAL SWINE (CM4088)	31:2010/PVM	
3222	Hỗn hợp vitamin - khoáng cho thức ăn gà thịt	HD_ BROILER NEW	31:2011/PVM	
3223	Hỗn hợp vitamin - khoáng cho thức ăn heo 15 - 30 kg	HD_PIG 15 - 30KG NEW	32:2011/PVM	
3224	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	CJVN_ VITAMIN SWINE (CM1975)	34:2010/PVM	
3225	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn thỏ giống	PREMIX THỎ GIỐNG 0,25%	40:2010/PVM	
3226	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn thỏ thịt	PREMIX THỎ THỊT 0,25%	41:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3227	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia cầm	CJVN_ MINERAL POULTRY (CM4089)	43:2010/PVM	
3228	Premix bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn vịt đẻ	HA_ VIKAMIX HC-05	44:2010/PVM	
3229	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn heo	CJVN_ MINERAL SWINE (CM2021)	49:2010/PVM	
3230	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo 15 - 30 kg	NH_ PREMIX HEO 15-30KG 0,1%	50:2010/PVM	
3231	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo 30 kg - xuất chuồng	NH_PREMIX HEO 30KG-XC	51:2010/PVM	
3232	Premix khoáng vitamin cho bò sữa	CALCI BO	53:2010/PVM	
3233	Chế phẩm sinh học cho heo nái và heo con	PRO-ONE	54:2010/PVM	
3234	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia cầm đẻ	VITAMIN 21 NEW 0,05%	55:2010/PVM	
3235	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn lợn	HVI_ VITAMIN LỢN	64:2010/PVM	
3236	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gà thịt	HVI_ VITAMIN GÀ THỊT	65:2010/PVM	
3237	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gà đẻ	HVI_ VITAMIN GÀ ĐẺ	66:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3238	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn vịt thịt	HVI_ VITAMIN VỊT THỊT	67:2010/PVM	
3239	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn vịt đẻ	HVI_ VITAMIN VỊT ĐẺ	68:2010/PVM	
3240	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH100	70:2010/PVM	
3241	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH200	71:2010/PVM	
3242	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH300	72:2010/PVM	
3243	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH400	73:2010/PVM	
3244	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH500	74:2010/PVM	
3245	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia cầm	POULTRY 2000	75:2010/PVM	
3246	Premix bổ sung vitamin và khoáng cho thức ăn heo con 5 - 15 kg	HA_ VIKAMIX HC-01	81:2010/PVM	
3247	Premix bổ sung vitamin và khoáng cho thức ăn heo 15 - 30 kg	HA_ VIKAMIX HC-02	82:2010/PVM	
3248	Premix bổ sung vitamin và khoáng cho thức ăn heo 30 - 100 kg	HA_ VIKAMIX HC-03	83:2010/PVM	
3249	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	AF_ STARGRO 1012V	84:2010/PVM	
3250	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn heo	AF_ STARGRO 2012M	85:2010/PVM	
3251	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn heo	CX 5105	87:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3252	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn heo con 5 - 30 kg	WINMIX W10	88:2010/PVM	
3253	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn heo lứa 30 - 60 kg	WINMIX W11	89:2010/PVM	
3254	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn heo thịt 60 kg - xuất chuồng	WINMIX W12	90:2010/PVM	
3255	Premix Vitamin - khoáng cho gia cầm đẻ	WINMIX W21	91:2010/PVM	
3256	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho gà thịt	WINMIX W22	92:2010/PVM	
3257	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho vịt thịt	WINMIX W42	93:2010/PVM	
3258	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn heo giống	WINMIX W13	94:2010/PVM	

(Xem tiếp Công báo số 437 + 438)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng